



2
0
1
7

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Văn Bình



Công ty Cổ phần Đầu tư
Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát



Kính thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư và các Đối tác

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (VPG). Chúng tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua, cũng như chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Việt Phát trong giai đoạn tới.

Năm 2017 đánh dấu kỷ lục về tăng trưởng kinh tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, kim ngạch thương mại hay khách du lịch đến Việt Nam. Lần đầu tiên sau nhiều năm, đất nước chúng ta hoàn thành vượt mức 13 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua; vốn thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 17,5 tỷ USD, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2016; CPI bình quân năm tăng 3,53% so với bình quân năm 2016 và nằm trong giới hạn kiểm soát của Chính phủ; gần 13 triệu khách quốc tế đặt chân đến Việt Nam, tăng 29% so với cùng kỳ năm ngoái.

Những thành tựu đạt được nêu trên càng có ý nghĩa khi đặt trong bối cảnh năm 2017 Việt Nam chúng ta phải hứng chịu kỷ lục về bão lũ và thiên tai khốc liệt, cực đoan và trái quy luật. Với 16 cơn bão và 4 áp thấp nhiệt đới, trong đó có 2 cơn bão hoành hành trên Biển Đông vào cuối tháng 12 và đây cũng là điều chưa từng có trong lịch sử.

Một năm với nhiều khó khăn của tự nhiên nhưng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát cũng đã vượt qua chính mình để xác lập nhiều chỉ số mới về sản xuất và kinh doanh được ghi nhận trong 10 năm hoạt động: doanh thu hoạt động tài chính đạt hơn 16 tỷ đồng, bằng 1756,3% cùng kỳ; doanh thu thuần đạt hơn 2.177 tỷ, tăng 42,52% so với năm 2016; lợi nhuận sau thuế đạt trên 29 tỷ, bằng 102,36% so với cùng kỳ năm 2016. Ngoài ra, môi trường, điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động ngày càng được nâng cao, việc chăm lo bảo vệ sức khoẻ cho người lao động được quan tâm

đúng mực, công tác an sinh xã hội được coi trọng.

Những kết quả đạt được nêu trên là thành quả từ sự nỗ lực không ngừng và tận tụy của đội ngũ công nhân viên Công ty, là kết tinh sức lao động về trí và lực của tập thể, phản ánh sự tin tưởng và tiếp tục sẵn sàng hỗ trợ của Quý cổ đông, Nhà đầu tư và các đối tác.

Gác lại những thành công của năm 2017, Công ty sẽ tiếp tục bước lên phía trước với một tinh thần mới, động lực mới và không ngừng nỗ lực để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và trách nhiệm đối với cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành với Công ty, xin gửi lời tri ân tới toàn thể người lao động vì những nỗ lực hết mình đóng góp vào thành quả chung của Công ty trong những năm qua và cùng hướng đến thành công mới trong năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



01 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Tổng quan về doanh nghiệp
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Quản trị rủi ro



TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

Tên công ty

- Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Giấy đăng ký kinh doanh

- Số 0200826844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 01/10/2016

Địa chỉ

- Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã cổ phiếu

- VPG

Điện thoại - Fax

- (+84) (255). 3569.699 - (+84) (255). 3569.689

Vốn điều lệ

- 200.000.000.000 đồng

Website:

- <http://vietphatjsc.com.vn/>

Cổ phiếu VPG chính thức niêm yết và giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) kể từ ngày 18/01/2018



DANH HIỆU VÀ CHỨNG NHẬN



Giấy chứng nhận ISO 9001 bản tiếng anh



Giấy chứng nhận ISO 9001:2015 bản tiếng Việt



Đối tác uy tín của TISCO năm 2016



Top nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam 2016



Chứng nhận top 20 nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam 2016



Giấy chứng nhận ISO 9001:2008
bản tiếng việt năm 2016



Giấy chứng nhận ISO 9001:2008
bản tiếng việt năm 2016

THÀNH TỰU NỔI BẬT



Bằng khen của Tổng cục Trưởng
Tổng cục Thuế



Bằng khen hoàn thành tốt nhiệm
vụ nộp ngân sách nhà nước



Bằng khen có nhiều đóng góp cho
sự phát triển kinh tế - xã hội



Khách hàng thân thiết MB Bank
2016

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH - PHÁT TRIỂN VÀ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

a. Quá trình hình thành và phát triển

Hiện nay, Việt Phát đầu tư tập trung kinh doanh vào 5 lĩnh vực hoạt động chính bao gồm:

- Khai thác khoáng sản, nhiên liệu: kim loại, phi kim, hợp kim, than đá, than bùn...
- Cung cấp các nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất lớn chưa qua quá trình tiền chế và đã qua quá trình xử lý như quặng sắt, than, titan, phôi thép,...
- Cung cấp các dịch vụ ủy thác nhập khẩu, vận tải hàng hóa.
- Cho thuê kho bãi, cầu cảng, lưu giữ hàng hóa.
- Đầu tư Bất động sản - Xây dựng công trình dân dụng, công trình công cộng, nhà máy, xí nghiệp.

Châm ngôn: Chúng tôi liên tục phát triển và hoàn thiện mỗi ngày các hoạt động kinh doanh của chính mình, nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, để Việt Phát trở thành thương hiệu uy tín của Khách hàng và Đối tác trong cả nước.



Khởi đầu từ một Công ty dịch vụ vận tải chuyên vận tải nội địa, Việt Phát đã nhanh chóng vươn lên trở thành một trong những Công ty dẫn đầu về sản xuất, kinh doanh các nguyên liệu khoáng sản và dịch vụ vận tải nội địa tại Việt Nam



Công ty đã nhanh chóng khẳng định được vị trí của mình tại khu vực phía Bắc, đã triển khai được hệ thống vận chuyển hàng rộng khắp cả nước

2008

Công ty CP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát được thành lập với 03 cổ đông sáng lập, tổng nhân sự khoảng 20 người và lĩnh vực kinh doanh chính chủ yếu vận tải nội địa.

2009



Đánh dấu một bước ngoặt của Công ty với một loại sự thay đổi quan trọng với định hướng mới: Không chỉ kinh doanh về mặt dịch vụ mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác như kinh doanh thương mại, đầu tư, sản xuất...

Trong giai đoạn này, Công ty triển khai nghiên cứu một loạt dự án Xây dựng bao gồm:

- Nhà máy Sản xuất Khuynh thép tiến chế: gia công thép định hình, phân loại và kinh doanh quặng sắt tại Cụm Công nghiệp Quỳnh phúc, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Xây dựng kho bãi, cầu cảng tại xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.



2010

Việt Phát đã trở thành một trong những Công ty có tiếng trong lĩnh vực khoáng sản như quặng sắt, than, titan... tại Việt Nam, với Doanh thu đạt hơn 700 tỷ đồng, là đối tác cung cấp nguyên liệu cho các đơn vị như Công ty CP Thép Hòa Phát, Công ty CP Gang Thép Thái Nguyên, Công ty TNHH Thép DONGBU Việt Nam...

2014



2016

Năm 2016, theo danh sách FAST500, Việt Phát được xếp hạng 13. Bảng xếp hạng đã ghi nhận kết quả công tác quản lý và sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Việt Phát trong các năm vừa qua.

10/2016, Công ty đã thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng, nhằm bổ sung vốn lưu động để thực hiện mở rộng thị trường.

Ngày 18/01/2018, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), với mã chứng khoán VPG

2018



b. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

| THỜI ĐIỂM | VĐL TĂNG THÊM | VĐL SAU KHI TĂNG VỐN | HÌNH THỨC PHÁT HÀNH | ĐỐI TƯỢNG PHÁT HÀNH | CĂN CỨ PHÁP LÝ |
|------------|---------------|----------------------|--|---|--|
| 23/07/2018 | 25 | 25 | Góp vốn của các cổ đông sáng lập | 03 cổ đông sáng lập | Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 23/07/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. |
| 21/05/2014 | 75 | 100 | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư có nhu cầu | Cổ đông công ty có nhu cầu và khả năng tham gia góp vốn | <ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1002/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 10/02/2014 Nghị quyết HĐQT số 1202/NQ-HĐQT/2014 ngày 12/02/2014 Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 ngày 21 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. |
| 1/10/2016 | 100 | 200 | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư có nhu cầu | Cổ đông công ty có nhu cầu và khả năng tham gia góp vốn | <ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1807/NQ-ĐHĐCĐ/2016 ngày 18/07/2016 Nghị quyết HĐQT số 2207/NQ-HĐQT/2016 ngày 22/07/2016 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0111/NQ-ĐHĐCĐ/2016 ngày 01/11/2016 Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 06 ngày 01 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. |

\\ Góp vốn theo giấy đăng ký kinh doanh lần đầu

• **Căn cứ pháp lý:** Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 23/07/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp

• Danh sách cổ đông sáng lập:

| STT | Cổ đông | Địa chỉ | Cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu % |
|-----|-----------------|--|-----------------|----------------|
| 1 | Nguyễn Văn Bình | Số 31/3 Bến Bính, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng | 150.000 | 60% |
| 2 | Phùng Quốc Việt | Số 3 Nguyễn Trãi, Phường May Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng | 80.000 | 32% |
| 3 | Ngô Hồng Giang | Số 224 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng | 20.000 | 8% |
| | Tổng cộng | | 250.000 | 100 |

TĂNG VỐN LẦN 1: VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 25 TỶ ĐỒNG LÊN 100 TỶ ĐỒNG

• Căn cứ pháp lý:

- Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 21 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1002/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 10/02/2014;
- Nghị quyết số 1202/NQ-HĐQT/2014 ngày 12/02/2014

• Phương án tăng vốn:

- Phương án phát hành: Phát hành cho các cổ đông, Nhà đầu tư theo nhu cầu
- Số lượng phát hành: 750.000 cổ phần
- Giá phát hành: 100.000 đồng/cổ phần
- Vốn điều lệ sau khi tăng: 100.000.000.000 đồng tương ứng với 1.000.000 cổ phần
- Mục đích phát hành: thanh toán các hợp đồng mua quặng của Công ty.
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 04 cổ đông

• Kết quả phát hành:

- Thời gian thu tiền: Từ ngày 21/02/2014 đến ngày 25/02/2014

- Số lượng cổ đông sau phát hành: 04 cổ đông

TĂNG VỐN LẦN 2: VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 100 TỶ ĐỒNG LÊN 200 TỶ ĐỒNG

• Căn cứ pháp lý:

- Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 01 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1807/NQ-ĐHĐCĐ/2016 ngày 18/07/2016;
- Nghị quyết HĐQT số 2207/NQ-HĐQT/2016 ngày 22/07/2016
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0111/NQ-ĐHĐCĐ/2016 ngày 01/11/2016

• Phương án tăng vốn:

- Phương án phát hành: Phát hành cho các cổ đông, Nhà đầu tư theo nhu cầu
- Số lượng phát hành: 10.000.000 cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Vốn điều lệ sau khi tăng: 200.000.000.000 đồng tương ứng với 20.000.000 cổ phần
- Mục đích phát hành: thanh toán các hợp đồng mua quặng của Công ty.
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 05 cổ đông

• Kết quả phát hành:

- Thời gian thu tiền: Từ ngày 01/08/2016 đến ngày 05/12/2016

- Số lượng cổ đông sau phát hành: 05 cổ đông



NGÀNH NGHỀ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

a. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác gỗ, khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (quặng Bôx-ít);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Đóng tàu và cấu kiện nối;
- Sửa chữa máy móc và thiết bị;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, bột thạch anh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò, Dịch vụ bơm và tháo nước theo kế ước hợp đồng, Hoạt động khoan thử và đào thử;
- Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản;
- Sản xuất các sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Đúc sắt, thép, kim loại màu;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xây dựng công trình công ích, các công trình kỹ thuật dân dụng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội, ngoại thành;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.



b. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty Việt Phát tập trung chính vào kinh doanh các mặt hàng như quặng sắt, quặng vôi viên, phôi thép, than trong nước, nhập khẩu và các phụ gia phục vụ cho nhà máy xi măng. Ngoài ra, Công ty còn cung cấp các dịch vụ như dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, dịch vụ uỷ thác nhập khẩu, dịch vụ cầu cảng

\\ Hoạt động kinh doanh thương mại

• Quặng sắt:

Quặng sắt là nguồn nhiên liệu vô cùng cần thiết đối với các nhà máy sản xuất Gang thép. Xác định rõ định hướng phát triển, CTCP Đầu tư thương mại XNK Việt Phát đã nỗ lực không ngừng vươn lên để trở thành một trong những đối tác tin cậy cung cấp nguyên vật liệu cho một số Tập đoàn lớn, các nhà máy, Công ty đa quốc gia,... trên khắp cả nước. Với nguồn nhiên liệu dồi dào chất lượng cao từ các mỏ có trữ lượng lớn phía Bắc, CTCP Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát đã cung cấp nguồn quặng sắt ổn định cho các Nhà máy luyện gang thép lớn như Nhà máy của CTCP Thép Hoà Phát, Công ty TNHH Thép DONGBU Việt Nam, Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung, Công ty cổ phần Thép SAMINA... Cùng với đó, các sản phẩm quặng sắt nguyên khai đã được sơ luyện tại chính Nhà máy của Công ty thông qua các dây chuyền sản xuất. Các sản phẩm của Công ty bao gồm quặng sắt không từ (Limonit) có thành phần Fe từ 53% đến 56%, quặng sắt có từ (Manhetit) có thành phần Fe từ 63% đến 66%, quặng titan, huỳnh thạch cám,... Các sản phẩm của Công ty Việt Phát luôn đảm bảo được chất lượng và độ ổn định cao. Doanh thu bán quặng sắt của CTCP Đầu tư thương mại XNK Việt Phát năm 2017 đạt 835.517.616.099 đồng, gấp gần 2 lần so với năm 2016 là 427.307.436.448 đồng.



• Than và các sản phẩm khác:

Hoạt động thương mại than chiếm tỷ trọng quan trọng trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Các sản phẩm do Công ty cung cấp bao gồm: Than cốc nhập khẩu, than mỡ nhập khẩu, các sản phẩm than do Tập đoàn Than - khoáng sản Việt Nam sản xuất. Doanh thu bán than cốc năm 2017 của Công ty là 311.876.118.772 đồng, trong khi doanh thu này của năm 2016 đạt 334.607.796.026 đồng



• Than nhập khẩu:

Trong vòng từ 10 đến 20 năm tới, ngành nhiệt điện than vẫn tiếp tục được phát triển và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu điện năng sản xuất. Tổng nhu cầu than cho sản xuất điện mặc dù dự báo hiện nay đã thấp hơn so với trước đây nhưng vẫn duy trì ở mức cao. Dự báo đến năm 2030, nhu cầu than cho sản xuất điện sẽ đến hơn 100 triệu tấn và khả năng đến năm 2030 sẽ phải nhập khẩu khoảng 80 triệu tấn than. Chính vì vậy, việc nhập khẩu than trong thời gian sắp tới sẽ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cán cân xuất nhập khẩu quốc gia. Nhằm bắt được xu hướng đó, hiện nay Công ty Việt Phát đã và đang là nhà cung cấp than chính cho các Tập đoàn, Nhà máy nhiệt điện lớn trong nước như Nhà máy CTCP Gang thép Thái Nguyên, CTCP Năng lượng Hoà Phát, Công ty TNHH Thép SAMINA... Đồng thời Công ty Việt Phát vẫn đang duy trì mối quan hệ bạn hàng với các đối tác nước ngoài có thương hiệu lâu đời trên toàn thế giới như: BHP Billiton, Wel-Hunt, Vale,... đến từ các quốc gia Australia, Nga, Indonesia,, Trung Quốc. Với bề dày kinh nghiệm và thương hiệu đã được bạn bè quốc tế tin tưởng, CTCP Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát đã và đang đẩy mạnh việc nhập khẩu nhiều loại than cung cấp cho các đối tác trong nước.

Song song với hoạt động nhập khẩu than, CTCP Đầu tư thương mại XNK Việt Phát hiện đang là nhà cung cấp than nội địa cho các nhà máy, công ty lớn trong cả nước như CTCP Gang thép Thái Nguyên, CTCP Thép Hoà Phát, CTCP Gang thép Cao Bằng, Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung... Hiện nay các sản phẩm mà Công ty Việt Phát cung cấp cho khách hàng bao gồm than cục, than cám thương phẩm của vùng Hòn Gai - Cẩm Phả

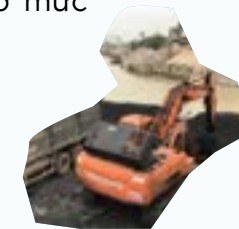
• Phụ gia xi măng:

Ngày nay, trong ngành xây dựng đặc biệt biết đến và hay sử dụng các loại phụ gia công nghiệp có công dụng gia tăng hiệu quả và rút ngắn thời gian tạo đông cho xi măng. Phụ gia xi măng là quặng sắt hàm lượng Fe₂O₃ yêu cầu có thể từ 37% lên đến trên 50%. Do đây là một thị trường lớn và tiềm năng nên Công ty đang hướng tới và dự định sẽ phát triển mạnh trong tương lai



\\ Dịch vụ vận tải

- Hiện nay, CTCP Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát đang kinh doanh các dịch vụ vận tải bao gồm: Vận tải hàng hoá đường biển; Vận tải hàng hoá đường sông và Vận tải hàng hoá đường bộ. Công ty có **04 xe chạy nội bộ**, còn chủ yếu xe và tàu thuê ngoài phục vụ vận chuyển hàng hoá cho khách hàng khi có yêu cầu. **Doanh thu** dịch vụ vận chuyển năm 2017 của Công ty chỉ ở mức



23.857.335.637 đồng, trong khi năm trước đạt **47.414.545.348** đồng

- Với kinh nghiệm lâu năm trong việc cung cấp dịch vụ vận tải hàng hoá, bằng phương pháp làm việc có tính chuyên nghiệp cao, với phương châm tất cả vì quyền lợi của khách hàng, Công ty Việt Phát đã tạo dựng được uy tín tốt và dần trở thành một thương hiệu mạnh, có uy tín trên thị trường vận tải hiện nay. Công ty đang nỗ lực và phấn đấu không ngừng để trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành

dịch vụ vận tải hàng hoá

- Với những phương tiện vận chuyển hiện đại cùng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, đầy nhiệt huyết, tinh thần trách nhiệm cao và cách điều hành năng động, hợp lý, phương châm coi quyền lợi của khách hàng như quyền lợi của mình, Công ty luôn mong muốn sẽ đem lại các loại hình dịch vụ vận tải hợp lý nhất, kinh tế nhất và tiết kiệm thời gian nhất

- Chỉ trong một thời gian ngắn sau khi chính thức đi vào hoạt động, CTCP Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát đã được nhiều khách hàng tìm đến và sử dụng các loại hình dịch vụ vận tải thuỷ, bộ nội địa. Công ty đã dần tạo dựng nên một thương hiệu vận tải vững mạnh, đa năng và sẵn sàng cạnh tranh bình đẳng với các thương hiệu vận tải thuỷ, bộ nội địa khác hiện nay. Nhiều khách hàng đã trở thành đối tác lâu năm, tìm đến với Công ty để ký kết các hợp đồng vận tải thường xuyên, lâu dài.



\\ Dịch vụ khai thác và kinh doanh cầu cảng

Hiện tại Công ty đang sở hữu **02 cầu cảng**: Một cầu cảng dài hơn 100m đã đi vào hoạt động và đang phục vụ cho mục đích nội bộ của Công ty, thuận tiện trong việc lưu thông kinh doanh hàng hoá, một cầu cảng hiện đang tiến hành xây dựng. Theo quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND Tỉnh Hải Dương về việc cho phép Công ty xây dựng công trình **Xử lý tổng thể công trình đê điều từ K10 + 00**



- K10 + 450 đê Hữu Kinh Môn, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương. Theo thống kê qua các năm bình quân sản lượng bốc xếp hàng năm của 01 cầu cảng khai thác nội bộ phục vụ **xuất bán 492.690 tấn hàng/năm** và phục vụ thu mua 603.827 tấn hàng/năm

\\ Dịch vụ kho bãi



\\ Dịch vụ kho bãi nhập khẩu

Với kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu uỷ thác, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với nhiều nhà cung cấp có uy tín trên thế giới, cùng đội ngũ nhân viên xuất nhập khẩu chuyên nghiệp, giỏi chuyên môn và nhiều kinh nghiệm, dịch vụ nhập khẩu uỷ thác và giao nhận hàng hoá của Công ty luôn đảm bảo đạt chất lượng cao, đáp ứng được các yêu cầu một cách nhanh chóng, thuận tiện, an toàn, đảm bảo tiến độ và hiệu quả cho khách hàng. Sử dụng dịch vụ nhập khẩu uỷ thác của Công ty, khách hàng có thể hoàn toàn yên tâm với các thủ tục, công việc được thực hiện đúng quy trình và hiệu quả. Một số dịch vụ liên quan đến nhập khẩu uỷ thác đang được Công ty triển khai như sau:

- Tư vấn, giới thiệu đối tác quốc tế, hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng.
- Tư vấn các thủ tục nhập khẩu hàng hóa, máy móc.
- Tư vấn, cung cấp tài chính cho khách hàng trong việc thanh toán.
- Tổ chức đấu thầu, đàm phán, ký kết và giám sát thực hiện các dự án được chủ đầu tư uỷ thác.
- Tư vấn, lập dự toán các loại chi phí của lô hàng nhập khẩu để doanh nghiệp có thể quyết định giá mua hàng hóa.
- Thay mặt khách hàng ký kết hợp đồng nhập khẩu.
- Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, chứng từ cần thiết.
- Tiến hành làm các thủ tục thanh toán qua ngân hàng.
- Thực hiện xuất hoá đơn trả hàng theo luật định.
- Xin giấy phép nhập khẩu cho hàng hóa, sản phẩm.
- Thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, sản phẩm CO.
- Thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng nhà nước, kiểm tra chất lượng, giám định...
- Mua bảo hiểm đường biển, hàng không.
- Thực hiện đăng ký tàu vận chuyển hàng hóa.
- Theo dõi hàng hoá đến và đi.
- Thực hiện hoàn chỉnh bộ chứng từ hoàn chỉnh.
- Tiến hành làm tờ khai hải quan.
- Thực hiện các thủ tục thông quan và chuyển hàng về kho cảng theo yêu cầu.
- Đặt, thuê container, thuê tàu, làm vận đơn (bill) cho hàng hóa nhập khẩu.
- Xuất hóa đơn giá trị gia tăng, phí uỷ thác xuất nhập khẩu theo quy định.
- Thanh khoản thuế hoặc các thủ tục hoàn thuế, điều chỉnh thuế

\\ Hoạt động sản xuất: Sơ luyện sản phẩm quặng sắt nguyên khai

Quặng sắt nguyên khai là sản phẩm quặng sắt chưa qua sơ chế còn dính nhiều bùn đất và chưa phân loại quặng. Công ty nhập quặng sắt nguyên khai ở các công ty khai thác, công ty thương mại. Khi nhập về Công ty sẽ tiến hành quá trình rửa quặng và qua các máy sàng, lọc, nghiền sau đó phân loại quặng để xuất bán cho khách hàng. Việc phân loại quặng nhằm đáp ứng được với nhu cầu của nhiều đối tác khách hàng, thuận lợi trong việc kinh doanh thương mại của Công ty.



\\ Hoạt động bất động sản




Trong nền kinh tế đang ngày càng phát triển, bất động sản đóng vai trò quan trọng, có tiềm năng kinh tế cao mang đến lợi ích trực tiếp và lâu dài cho doanh nghiệp sở hữu.

Trong năm 2017 Công ty đã đấu thầu thành công gói san lấp phía ngoài đê tả sông Cấm đến trục chính Đông Tây, Hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 25/BSC/2017/HĐTC ngày 22/07/2017 giá trị hợp đồng 219 tỷ. Công ty đã thành lập Ban quản lý dự án Vĩnh Niệm trực thuộc Ban quản lý dự án đầu tư để tiến hành các thủ tục liên quan đến Dự án đất liền kề Vĩnh Niệm. Trong năm công ty góp vốn thành lập công ty cổ phần xây dựng bất động sản Việt Phát số vốn góp 102.750 triệu đồng chiếm 15% vốn điều lệ theo Nghị quyết HĐQT số 288/2017/QĐ-HĐQT ngày 28/08/2017 - Công ty cổ phần bất động sản Việt Phát dự kiến sẽ là đơn vị phân phối, vận hành chính các dự án của Việt Phát trong tương lai

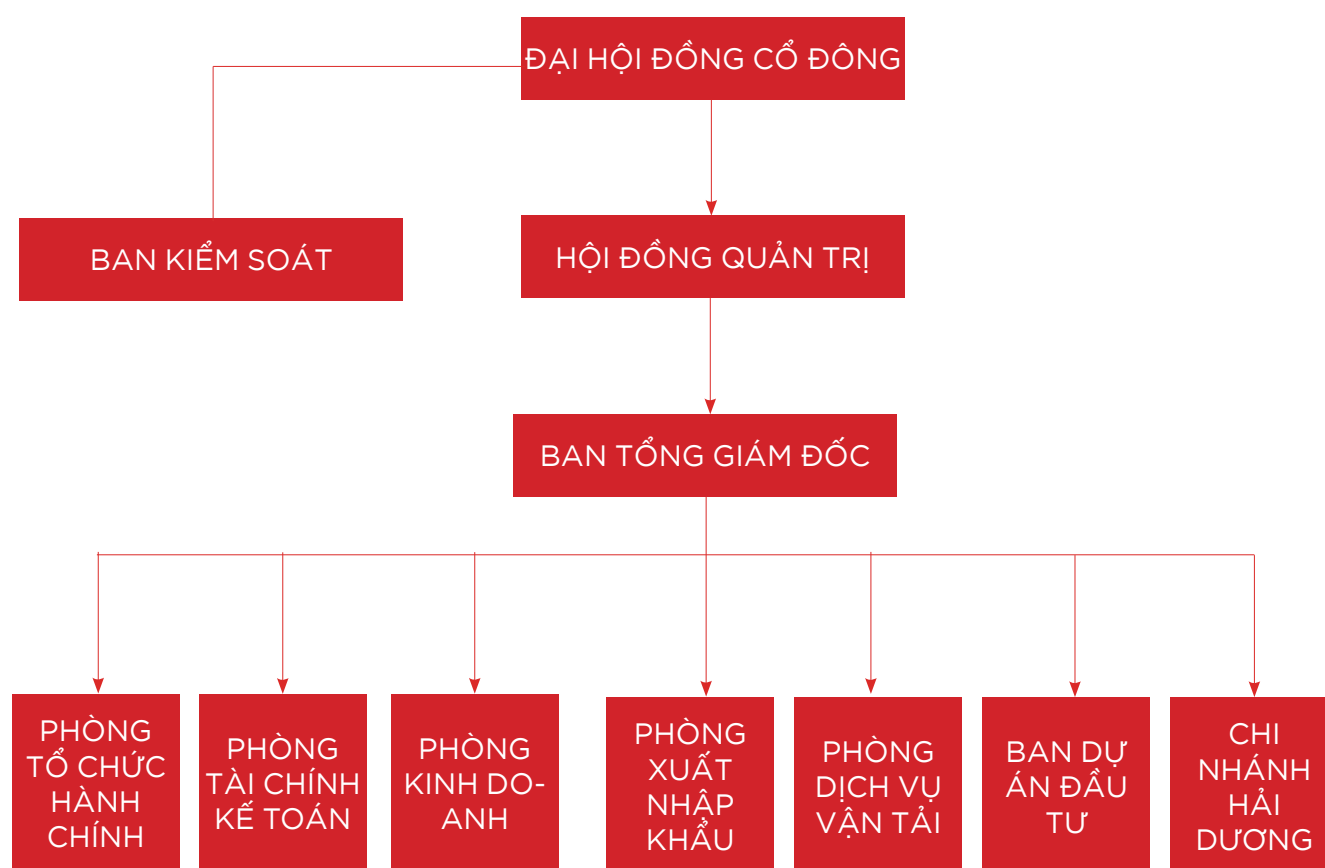


\\ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



-  Trụ sở công ty: Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
 - Điện thoại: 84-(225).356.9699 Fax: 84-(225).356.9689
-  Văn phòng giao dịch: Số 121-128 Tòa nhà Thành Đạt1, số 3 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng
 - Điện thoại: 84-(225).356.9699 Fax: 84-(225).356.9689
-  Chi nhánh Hải Dương: Cụm Công nghiệp Quỳnh Phúc, Kim Xuyên, Kim Thành, Hải Dương
 - Điện thoại: 84-(220).3726.999 Fax: 84-(220).3726.998

\\ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



\\ Diễn giải sơ đồ bộ máy quản lý

Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu Việt Phát xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình quản lý của công ty cổ phần, gồm:

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)** bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- **Hội đồng quản trị (HĐQT)** là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 người.
- **Ban kiểm soát:** Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

• Ban Tổng giám đốc:

- Ban Tổng giám đốc của Công ty bao gồm 01 Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc.
- Tổng giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- Phó Tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng giám đốc uỷ quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Các phòng ban chức năng:

• Phòng tổ chức hành chính nhân sự:

- Lập các kế hoạch điều động nhân lực, đào tạo, thi tuyển nhân sự của công ty để đáp ứng nhu cầu công việc phù hợp.
- Theo dõi các chế độ lao động cho người lao động, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người lao động.
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ, đặc biệt với phòng kinh doanh xuất nhập khẩu và phòng thương mại dịch vụ để có kế hoạch nhân sự phù hợp với tình hình và tính chất của từng loại hình hoạt động kinh doanh.

• Phòng tài chính kế toán:

- Theo dõi các khoản phải thu, chi, hạch toán chi phí các hoạt động và của các hoạt động dịch vụ, cập nhật chứng từ, lập thủ tục thanh quyết toán với chủ tàu, các khách hàng thuê kho bãi, các đối tác.
- Thực hiện đúng chế độ chính sách của nhà nước về tài chính, chế độ bảo hiểm, thuế, khấu hao, tiền lương cho các tổ công nhân.
- Theo dõi tình hình tài chính chung của công ty để báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, hàng quý với giám đốc công ty.
- Phối hợp cùng phòng Thương mại Dịch vụ và Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu để có kế hoạch tài chính cho toàn bộ công ty và cho tất cả các hoạt động của Công ty.
- Chịu trách nhiệm trước công ty và trước pháp luật về số liệu tài chính do mình theo dõi, cung cấp, quản lý.

• Phòng kinh doanh:

- Phòng kinh doanh là phòng ban chuyên môn với chức năng thực hiện các hợp đồng thương mại, phụ trách những công việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất, giao nhận vận tải quốc tế để thực hiện các dự án trong và ngoài nước của Công ty. Phòng kinh doanh có những chức năng và nhiệm vụ sau đây:
 - + Quản lý điều hành các công việc thuộc lĩnh vực kinh doanh dịch vụ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
 - + Chủ động nghiên cứu, đề xuất các phương án tổ chức kinh doanh mặt bằng đạt hiệu quả cao. Tổ chức công tác quản lý, ký kết hợp đồng cho thuê ô vựa, điểm kinh doanh.
 - + Thực hiện các công tác về khuyến trương quảng bá thương hiệu, xây dựng thương hiệu và áp dụng thương mại điện tử vào việc hoạt động kinh doanh - dịch vụ của Công ty

...

• Phòng xuất nhập khẩu:

- Là một trong những phòng ban quan trọng của Công ty, với chức năng quan trọng là tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm khai khoáng, kim loại và quặng kim loại. Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu sẽ chịu trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ sau:

+ Nghiên cứu tình hình về cung cầu, giá cả các sản phẩm khai khoáng, kim loại và quặng kim loại trên thị trường trong nước và xuất khẩu để xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh xuất nhập khẩu dài hạn.

+ Thực hiện và giám sát việc mở tờ khai để nhận hàng, xuất hàng đúng thời hạn yêu cầu.

+ Lập và triển khai các báo cáo nhập xuất quốc tế theo yêu cầu của luật hải quan

...

• Phòng dịch vụ vận tải:

- Quản lý phương tiện và thiết bị toàn công ty, tham mưu cho Ban tổng giám đốc, Hội đồng quản trị về thuê, mua sắm mới máy móc, thiết bị.

- Tổ chức thực hiện triển khai các kế hoạch vận chuyển mua, bán hàng hoá.

- Theo dõi các phương tiện, thực hiện bảo dưỡng và sửa chữa, phát hiện kịp thời trục trặc, hỏng hóc để sửa chữa và thay thế, đảm bảo các phương tiện luôn hoạt động tốt; Xây dựng các tiêu chuẩn định mức khấu hao nhiên liệu, phụ tùng,...; thống kê và báo cáo với Ban Tổng giám đốc.

- Đề xuất các phương án thuê, mua sắm mới phương tiện, thanh lý các phương tiện cũ, hư hỏng

• Ban quản lý dự án đầu tư:

- Thẩm định dự án, lập kế hoạch, hoàn tất các thủ tục đầu tư, quản lý và phát triển dự án.

- Quản lý và phát triển dự án; tìm hiểu và thuê tư vấn đầu thầu và duyệt các gói thầu; quan hệ ngoại giao với các ban ngành địa phương liên quan để giải quyết kịp thời các phát sinh.

- Giám sát quá trình xây dựng, tổ chức thi công, nghiệm thu hoàn công thanh lý hợp đồng.

• Chi nhánh Hải Dương:

- Nhà xưởng được xây dựng 1 ha trên tổng diện tích 9,1 ha tại cụm công nghiệp Quỳnh Phúc xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Chức năng của chi nhánh:

+ Gia công thép định hình

+ Hệ thống kho bãi

+ Tuyển và chế biến, kinh doanh sắt công suất khoảng 600.000 tấn/năm

+ Quản lý hệ thống cầu cảng thủy nội địa với quy mô 02 cầu tời kích thước mỗi cầu dài 40m, rộng 17m để bốc xếp hàng hoá.

/// CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

a. Các công ty con: Không có

b. Các công ty liên kết:

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thiên Quý

Địa chỉ: Phòng 105 + 106 Tầng 1, Tòa nhà Thành Đạt, số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225 3686 969

Vốn điều lệ: 30.000.000.000

Tỷ lệ sở hữu: 46,67%

Vốn đăng ký/Vốn thực góp: 100%

Vốn công ty Việt Phát đăng ký góp vào công ty Thiên Quý: 14 tỷ

Ngành nghề kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hoá; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét...

46,67%



VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

a. Vị thế của Công ty trong ngành



b. Triển vọng của ngành

Với truyền thống lâu năm hoạt động trong lĩnh vực thương mại, Công ty Việt Phát đã tạo dựng cho mình được thương hiệu và sự tín nhiệm của đối tác, bạn hàng trong và ngoài nước. Trong những năm qua Công ty không ngừng lớn mạnh, Công ty Việt Phát là nhà cung cấp đầu vào quặng sắt, than cho các nhà máy lớn như CTCP thép Hoà Phát, Công ty TNHH thép DONGBU Việt Nam, CTCP thép SAMINA; và là nhà cung cấp than cho các nhà máy nhiệt điện, nhà máy thép lớn như CTCP Gang thép Thái Nguyên, CTCP Năng lượng Hoà Phát,...

Nắm bắt xu thế phát triển của nền kinh tế đồng thời phát huy tiềm năng sẵn có của mình, bên cạnh củng cố lĩnh vực kinh doanh truyền thống, công ty chủ động mở rộng sang các lĩnh vực khác như dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, dịch vụ cầu cảng,... các lĩnh vực mới này sẽ định hướng công ty phát triển nhanh và bền vững hơn trong tương lai



Theo dự báo của Hiệp hội Thép Thế giới (WSA), trong năm 2018, nhu cầu tiêu thụ thép toàn cầu sẽ tăng 1,6% so với năm 2017, lên 1,65 tỷ tấn. Trong năm 2017, tăng trưởng tiêu thụ mặt hàng này ước đạt 2,8%. Cả hai con số này đều cao hơn so với dự báo ban đầu của WSA, lần lượt là 1,3% đối với năm 2017 và 0,9% đối với năm tới. Việt Phát là đơn vị cung cấp đầu vào như quặng sắt, than cốc, phôi thép cho các nhà máy sản xuất thép nên dự đoán tốt về thị trường thép cũng là cơ hội tốt cho Việt Phát.

Theo diễn biến giá than thế giới, từ cuối năm 2016, Tổng công ty than và khoáng sản Việt Nam cũng đã thông báo điều chỉnh giá bán một số chủng loại than tại thị trường trong nước. Trong đó, than cám như 02-C1, 02-C2, 03-C3A/B và 7A/B/C được điều chỉnh tăng khoảng 6%. Bên cạnh đó, trong năm 2017, cơ chế chính sách được cho là có nhiều thay đổi theo hướng có lợi cho ngành Than. Đặc biệt, để giảm lượng than tồn kho, vừa qua, Chính phủ đã chính thức cho phép Tổng công ty than và khoáng sản Việt Nam tăng sản lượng xuất khẩu đối với các loại than chất lượng cao mà hiện tại thị trường nội địa chưa có nhu cầu hoặc có nhu cầu rất thấp theo giai đoạn 2017-2020. Với sự ủng hộ của chính sách của Nhà nước và sự biến đổi giá than trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, đây là cơ hội cho Việt Phát tiếp tục phát triển

c. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Hiện tại lĩnh vực kinh doanh chính của VPG vẫn là tập trung phát triển mảng thương mại, dịch vụ tổng hợp. Quy mô tài sản, vốn điều lệ, doanh thu và lợi nhuận của VPG so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành thương mại, dịch vụ tổng hợp như sau:

So sánh một số chỉ tiêu của VPG với các doanh nghiệp cùng ngành thương mại, dịch vụ tổng hợp năm 2017

| Chỉ tiêu | TNA | BTT | TMC | HTC | VPG |
|-----------------------|--------|--------|-------|--------|--------|
| Tổng tài sản | 1.365 | 458,5 | 409,3 | 466,6 | 1.342 |
| Vốn chủ sở hữu | 416,8 | 310,8 | 196,3 | 231,6 | 254,2 |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản | 0,69 | 0,32 | 0,52 | 0,5 | 0,81 |
| Doanh thu thuần | 4.178 | 357,4 | 2.294 | 1.639 | 2.177 |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 127,2 | 48,3 | 27,9 | 45,6 | 37,8 |
| Lợi nhuận trước thuế | 127,8 | 48,6 | 28,4 | 46,4 | 39,9 |
| LNST | 101,9 | 38,5 | 22,8 | 36,9 | 29,8 |
| LNST/Doanh thu thuần | 2,44% | 10,78% | 0,99% | 2,25% | 1,37% |
| LNST/Vốn chủ sở hữu | 24,46% | 12,4% | 11,6% | 15,92% | 11,73% |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của TNA, BTT, TMC, HTC, VPG

Trong đó:

Mã cổ phiếu TNA: CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam

Mã cổ phiếu BTT: CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành

Mã cổ phiếu TMC: CTCP Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức

Mã cổ phiếu HTC: CTCP Thương mại - Hóc Môn

Mã cổ phiếu VPG: CTCP Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Xét về quy mô tổng tài sản thì Việt Phát có tổng tài sản tương đối lớn so với các doanh nghiệp trong cùng ngành. Vốn chủ sở hữu VPG có quy mô trung bình so với các doanh nghiệp trong cùng ngành thương mại, dịch vụ.

Tại ngày 31/12/2017, tổng tài sản của VPG là 1.342,7 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu của VPG là 254,2 tỷ đồng. Hệ số nợ của VPG tương đối cao so với các công ty cùng lĩnh vực thương mại, dịch vụ tổng hợp. Khả năng sinh lời của Công ty ở mức trung bình so với các doanh nghiệp cùng ngành với tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu tương ứng là 1,37% và 11,73%.



d. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Các hoạt động kinh doanh chính của VPG hiện nay và trong thời gian tới gồm: Chế biến và kinh doanh Khoáng sản, Dịch vụ Xuất nhập khẩu, Dịch vụ vận tải hàng hoá, Dịch vụ Cảng thuỷ nội địa kho bãi, dịch vụ Bất động sản. Trong quá trình chế biến và kinh doanh VPG luôn chú trọng đến các yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Điều đó cho thấy định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế trên thế giới.

Định hướng của Công ty trong những năm tiếp theo là:

- Tiếp tục là nhà cung cấp nguyên liệu hàng đầu cho các nhà máy sản xuất thép:
 - Cung cấp nguyên liệu quặng sắt cho các nhà máy luyện thép như Hoà Phát, DongBu. Dự kiến mỗi năm cung cấp sản lượng cho 2 nhà máy vào khoảng 1 triệu tấn/năm;
 - Cung cấp nguyên liệu Quặng vè viên nhập khẩu, than coke cho Nhà máy Việt Trung với sản lượng quặng vè hàng năm từ 150.000 tấn đến 200.000 tấn, và sản lượng than coke từ 200.000 tấn đến 300.000 tấn
 - Cung cấp thép phế liệu cho một số nhà máy luyện thép dùng công nghệ lò trung tần như Gang thép Thái Nguyên, Thép Việt Nhật, Sengli... với sản lượng hàng năm từ 200.000 tấn đến 300.000 tấn
 - Cung cấp phôi thép cho một số Nhà máy cán thép như Thép Việt Úc, SSE, TISCO, Thép Việt Đức... với sản lượng hàng năm từ 100.000 tấn đến 200.000 tấn
 - Cung cấp Thép thành phẩm cho các dự án, công trình lớn với sản lượng hàng năm dự kiến 100.000 tấn đến 150.000 tấn

- Đẩy mạnh tiêu thụ than nhiệt vào các Nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn điện lực và Tập đoàn Dầu khí như Nhiệt điện Vĩnh Tân, Nhiệt điện Hải Phòng, Nhiệt điện Duyên Hải... thuộc EVN; Nhiệt điện Vũng Áng, Nhiệt điện Sông Hậu, Nhiệt điện Long Phú... thuộc PVN với sản lượng hàng năm từ 2 triệu đến 3 triệu tấn
- Đẩy mạnh dịch vụ vận tải, logistics cả chiều rộng và chiều sâu, dài hạn như ký kết vận tải với Thép Hoà Phát, dịch vụ Logistics than nhập khẩu cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với sản lượng 6 triệu đến 7 triệu tấn/năm.
- Phát triển mảng đầu tư dự án, bất động sản lớn với các đối tác có uy tín thương hiệu không chỉ trong nước mà còn ngoài nước như AEON MALL. Với các dự án có tầm cỡ, quy mô lớn như Đại siêu thị AEON MALL tại Hải Phòng, dự án khu hành chính, đô thị Bắc Sông Cấm, dự án đất liền kề Vĩnh Niệm,... Trong năm 2017 công ty đã đấu thầu thành công gói san lấp phía ngoài đê tả sông Cấm đến trục chính Đông Tây, Hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 25/BSC/2017/HĐTC ngày 22/07/2017 giá trị hợp đồng 219 tỷ. Công ty dự kiến san lấp mặt bằng tạo doanh thu 1.500 tỷ vào năm 2018 từ các dự án. Việt Phát đang tiến hành xin cấp phép là chủ đầu tư dự án đất liền kề Vĩnh Niệm. Công ty đã thành lập Ban quản lý dự án Vĩnh Niệm trực thuộc Ban quản lý dự án đầu tư để tiến hành các thủ tục liên quan đến Dự án đất liền kề Vĩnh Niệm. Trong năm công ty góp vốn thành lập công ty cổ phần xây dựng bất động sản Việt Phát số vốn góp 102,750 triệu đồng chiếm 15% vốn điều lệ theo Nghị quyết HĐQT số 288/2017/QĐ-HĐQT ngày 28/08/2017 - Công ty cổ phần bất động sản Việt Phát dự kiến sẽ là đơn vị phân phối, vận hành chính các dự án của Việt Phát trong tương lai.



CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

a. Rủi ro đặc thù ngành

• Rủi ro ngành

Công ty Việt Phát tập trung chính vào hoạt động kinh doanh các mặt hàng như quặng sắt, quặng vôi viên, phôi thép, than trong nước và các loại phụ gia phục vụ cho nhà máy xi măng. Theo dự báo từ Bộ Công nghiệp Australia, giá quặng sắt toàn cầu sẽ giảm xuống mức trung bình 51,5 USD/tấn trong năm 2018, giảm 20% so với cùng kỳ năm 2017. Tính chung toàn thế giới, sản lượng quặng sắt giai đoạn 2018-2027 sẽ tăng khá khiêm tốn từ 3,26 tỷ tấn lên 3,38 tỷ tấn, tương đương tăng 0,5%/năm. Con số này thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng trung bình giai đoạn 2008-2017 là 4,8%. Nguyên nhân chính là do các biện pháp mà Chính phủ Trung Quốc thực hiện nhằm giảm sản lượng và hạn chế khí thải trong ngành sản xuất thép tại một số tỉnh bị ô nhiễm nặng sẽ gây ảnh hưởng xấu đến nhu cầu quặng sắt. Tuy nhiên, sự biến động này ít ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Đầu tư thương mại XNK Việt Phát do khách hàng của Công ty là các đối tác lâu năm nên giá mua và giá bán hàng hoá được điều chỉnh phù hợp theo giá biến động của thị trường.

Quặng sắt và than cốc là hai nguyên vật liệu đầu vào của ngành thép. Mọi diễn biến ngành thép ảnh hưởng đến hoạt động của ngành than và ngành khoáng sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Việt Phát. Theo dự báo của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), tiếp đà năm 2016, 2017 tăng trưởng cao, 2018 dự kiến tăng trưởng của ngành thép đạt từ 20% đến 22%. Sỡ dĩ có được con số tăng trưởng đó là doanh nghiệp thép trong nước đã rất nỗ lực, đồng thời các công trình xây dựng cũng được triển khai nhiều, giúp cho lượng thép tiêu thụ tăng trưởng tốt. Trong 5 năm tới, ngành thép Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức từ 12%-15%. Trong năm 2017, doanh thu bán than cốc của CTCP Đầu tư thương mại XNK Việt Phát đạt gần 312 tỷ đồng, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2016; trong khi doanh thu bán quặng sắt đạt hơn 835 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước



2018: giá quặng sắt toàn cầu giảm 20% so với cùng kỳ năm 2017



Ngành thép 2018 tăng trưởng từ 20% - 22%



Doanh thu bán quặng sắt 2017 tăng gấp đôi

• Rủi ro tỉ giá

Một trong những hoạt động chính của Công ty hiện nay là hoạt động nhập khẩu, vì thế mọi biến động của tỷ giá đều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tỷ giá phụ thuộc vào các chính sách vĩ mô cũng như những biến động của tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới. Hiện nay, ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) đang áp dụng chính sách tỷ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát. Đây là chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý do NHNN xác định trên cơ sở rổ tiền tệ của các nước có quan hệ thương mại, vay, trả nợ, đầu tư với Việt Nam phù hợp với mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

Dù có những thời điểm biến động nhẹ nhưng nhìn chung diễn biến tỷ giá năm 2017 được cho là ổn định do nhiều nguyên nhân. Đó là: Đồng USD mất giá trên thị trường quốc tế dù Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã tăng lãi suất nhiều lần do tác động của chính sách chống thâm hụt thương mại; hay chênh lệch giữa lãi suất VND và USD vẫn còn ở mức lớn (khoảng 6-7%), nghiêng về việc nắm giữ VND. Diễn biến đáng chú ý nhất của tỷ giá trong năm 2017 là sự gia tăng giảm trái chiều giữa tỷ giá trung tâm do NHNN công bố và tỷ giá tại các ngân hàng thương mại. Nếu tính đến đầu tháng 06/2017, tỷ giá trung tâm liên tục đạt “đỉnh”, vượt mức 22.400 VND/USD, tức là tăng hơn 1% so với mức tỷ giá trung tâm vào đầu năm 2017, tăng tới hơn 500 VND so với mức tỷ giá trung tâm lần đầu tiên được NHNN công bố vào tháng 01/2016. Trong khi đó, tỷ giá tại các ngân hàng thương mại lại giữ được sự ổn định, tuy có lúc tăng mạnh nhưng sau đó lại giảm về quanh mức 22.740 VND/USD chiều bán ra. Trong phiên cuối năm 29/12/2017, giá USD giao dịch trên thị trường liên ngân hàng giảm khá mạnh, xuống còn 22.703 VND, sau 4 phiên đầu tuần này duy trì ở mức 22.710 VND. Theo đó, lần đầu tiên kể từ ngày 12/10/2017 (ngày mà lần đầu tiên Ngân hàng Nhà nước giảm giá mua vào USD), tỷ giá USD/VND đã xuyên thủng cả chốt chặn 22.710 VND - mốc tham khảo mua vào tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Về diễn biến tỷ giá trong năm 2018, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia dự báo, tỷ giá sẽ tiếp tục ổn định bởi có nhiều yếu tố hỗ trợ tỷ giá, như: Cán cân thương mại có khả năng tiếp tục thặng dư do kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu tại các nước mới nổi và đang phát triển tiếp tục xu thế tăng so với năm trước; hoặc dòng vốn nước ngoài vẫn có xu hướng tích cực chảy vào các khu vực kinh tế mới nổi và đang phát triển để tìm kiếm lợi nhuận cao hơn. Xét cho cùng, với sự điều hành tỷ giá ổn định như hiện nay, NHNN đang góp phần tích cực vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, bất cứ sự tăng trưởng nào cũng phải kèm theo việc mất giá nào đó, mà ở đây, theo các chuyên gia là sự mất giá của tiền VND sẽ hỗ trợ tăng trưởng. Vì thế, một sự điều chỉnh hợp lý sẽ là điều các doanh nghiệp mong muốn NHNN tìm ra để giúp các doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Về phía CTCP Đầu tư thương mại XNK Việt Phát, Công ty đã có những dự báo và biện pháp thích hợp để giảm thiểu những tác động từ rủi ro tỷ giá trong quá trình kinh doanh như Công ty luôn ký hợp đồng với khách hàng, trong đó giá bán được điều chỉnh theo biến động cùng chiều với tỷ giá hối đoái giữa VND và USD.

• Rủi ro tăng vốn nhanh

Công ty thực hiện các đợt tăng vốn nhằm phát triển năng lực phù hợp quy mô kinh doanh của Công ty giúp tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty Việt Phát. Trong năm 2016, Công ty tăng vốn từ 100 tỷ lên 200 tỷ đồng, lãi cơ bản trên một cổ phiếu năm 2017 đạt 1.491 đồng/1 cp, tăng 17,59% so với năm 2016.

Thông thường, việc tăng vốn nhanh sẽ dẫn đến rủi ro về việc pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu. Tuy nhiên, đối với Việt Phát, Công ty đảm bảo tốc độ tăng trưởng lợi nhuận nhờ vào việc mở rộng hoạt động kinh doanh, từ đó giúp thu nhập trên cổ phiếu Công ty được ổn định và tăng trưởng, đảm bảo lợi ích của cổ đông.

• Rủi ro mới tham gia thị trường Bất động sản

Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế trong những năm gần đây thị trường bất động sản cả nước nói chung và thị trường bất động sản tại Hải Phòng nói riêng đã có nhiều khởi sắc. Một số tên tuổi lớn đã sở hữu các dự án tại khu vực Hải Phòng và các tỉnh lân cận có thể kể đến là các doanh nghiệp như Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn SunGroup, Tập đoàn BRG, Tập đoàn Him Lam. Việt Phát phải cạnh tranh với các doanh nghiệp Bất động sản lớn kể trên về thị phần.

Công ty đã và đang định hướng đến phân khúc thị trường mà nhà đầu tư quan tâm là các dự án trung và cao cấp với quy mô vừa diện tích từ 50m² đến 80m², phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người địa phương

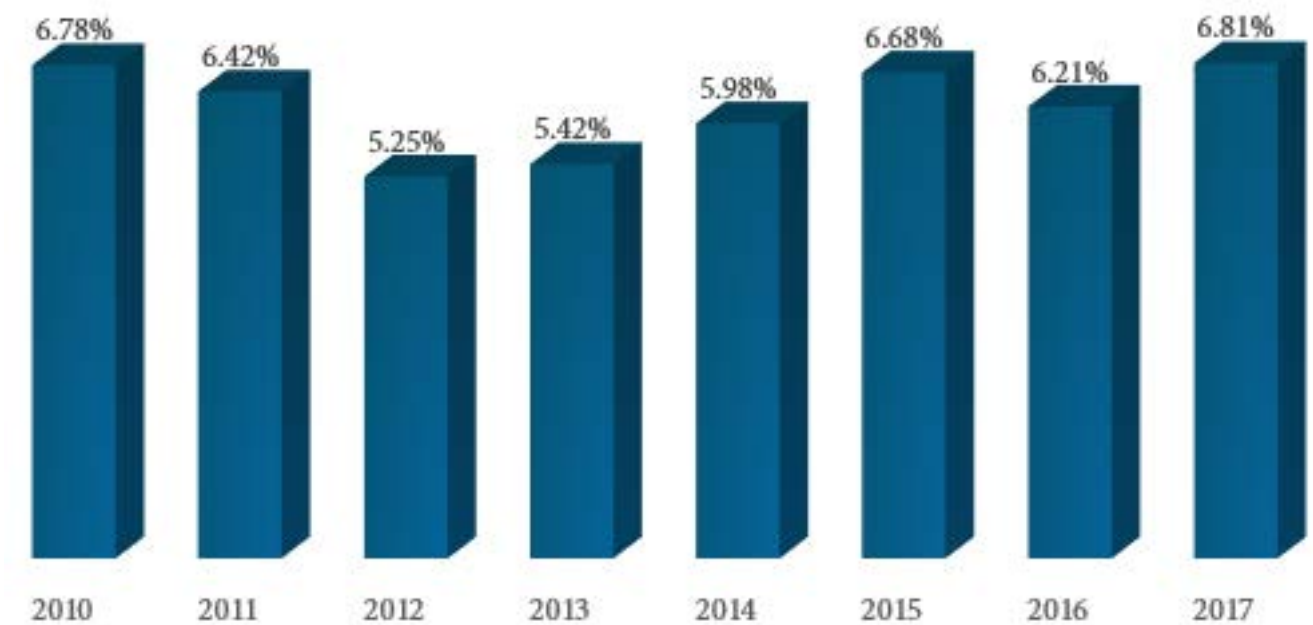
• Rủi ro tăng giá nhiên liệu

Chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí của công ty nhưng rất quan trọng. Giá nhiên liệu phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố kinh tế, chính trị trên toàn thế giới và hoàn toàn nằm ngoài sự kiểm soát của công ty. Trong những năm gần đây, giá nhiên liệu liên tục giảm và duy trì ở mức thấp, tuy nhiên không có gì đảm bảo giá nhiên liệu sẽ duy trì ở mức thấp trong những năm tới. Do Việt Phát không có hợp đồng lớn trong lĩnh vực vận tải mà chỉ có các bạn hàng là đối tác lâu năm như CTCP đại lý vận tải biển Hoàng Long, Công ty TNHH Thương mại Hùng Sơn Phú Thọ, Công ty TNHH Thaco Ngân Hà, CTCP Dịch vụ Đường sắt Hải Phòng, Công ty TNHH vận tải Việt Nhật,... nên để hạn chế sự ảnh hưởng của các biến động này, Việt Phát ký hợp đồng nguyên tắc với các đối tác và giá cả điều chỉnh phù hợp theo biến động của thị trường

b. Một số rủi ro khác

• Rủi ro về tăng trưởng kinh tế

Năm 2017 khép lại với nhiều thành quả đáng ghi nhận khi GDP của nước ta năm nay tăng trưởng 6,81% so với năm ngoái, vượt mục tiêu chính phủ đề ra là 6,7% (theo số liệu từ Tổng cục thống kê GSO). Đây cũng được coi là một năm khá thành công đối với nền kinh tế Việt Nam khi con số này được coi là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng bảy (07) năm trở lại đây



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,52% so với năm 2016, và tăng 2,6% so với tháng cuối cùng của năm 2016. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2017 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2017. Lạm phát cơ bản (CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống; năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục) năm 2017 so năm 2016 tăng 1,41%. Bình quân năm 2017 lạm phát cơ bản là 1,41% thấp hơn mức kế hoạch 1,6% -1,8%, cho thấy chính sách tiền tệ vẫn đang được điều hành ổn định (theo nhận định từ Tổng cục Thống kê)

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều có một lượng vốn đủ lớn để tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh mà phần lớn đều phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó một kênh phổ biến là thông qua vay vốn và chịu lãi suất sử dụng vốn vay. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Công ty Việt Phát chủ yếu sử dụng các khoản vay từ các ngân hàng trong nước để thực hiện nhập khẩu, mua bán khoáng sản. Các khoáng sản cung cấp tín dụng cho Công ty đều là các đối

tác lâu năm với Công ty nên Công ty thường xuyên được hưởng các chính sách ưu đãi về lãi suất. Ngoài ra, ban điều hành Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng các khoản vay từ ngân hàng nên rủi ro lãi suất cũng được Công ty kiểm soát và hạn chế đáng kể.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lãi suất, lạm phát... là những yếu tố cơ bản hình thành nên hệ thống rủi ro kinh tế tác động trực tiếp đến quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong tình hình như hiện nay, Công ty chủ trương vận hành linh hoạt với sự biến động của thị trường, chủ động tìm kiếm cách thức huy động các nguồn vốn với chi phí rẻ đồng thời tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động nhằm duy trì tính hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

• Rủi ro về pháp luật

Rủi ro pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không đúng hoặc do sự thay đổi của các văn bản pháp luật đối với hoạt động của Công ty. Hiện nay, chính phủ Việt Nam đã và đang có những nỗ lực trong quá trình thể chế hoá hệ thống luật pháp, cải cách hành chính tạo điều kiện tốt cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tuy nhiên, việc thường xuyên điều chỉnh các văn bản pháp luật Việt Nam gây khó khăn cho các Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh. Đặc biệt, các công ty đại chúng ngoài chịu sự tác động của một số quy định pháp luật cơ bản như Luật Doanh nghiệp, còn chịu sự chi phối của Luật chứng khoán, các Thông tư hướng dẫn công bố thông tin,... Vì thế, Công ty nói riêng và các Doanh nghiệp nói chung phải luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật trên thị trường chứng khoán, đồng thời tham khảo ý kiến từ các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết

• **Rủi ro khác:** như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...



CHƯƠNG 03

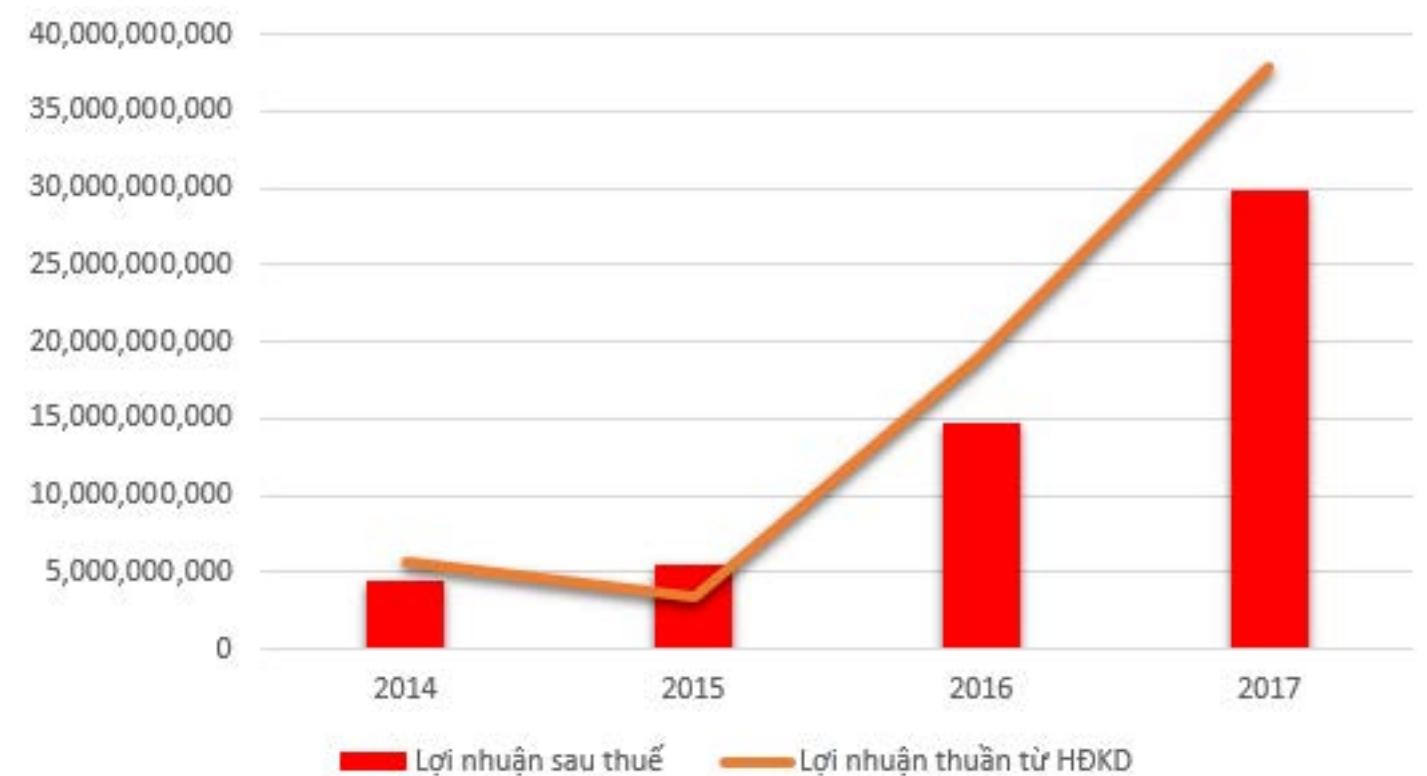
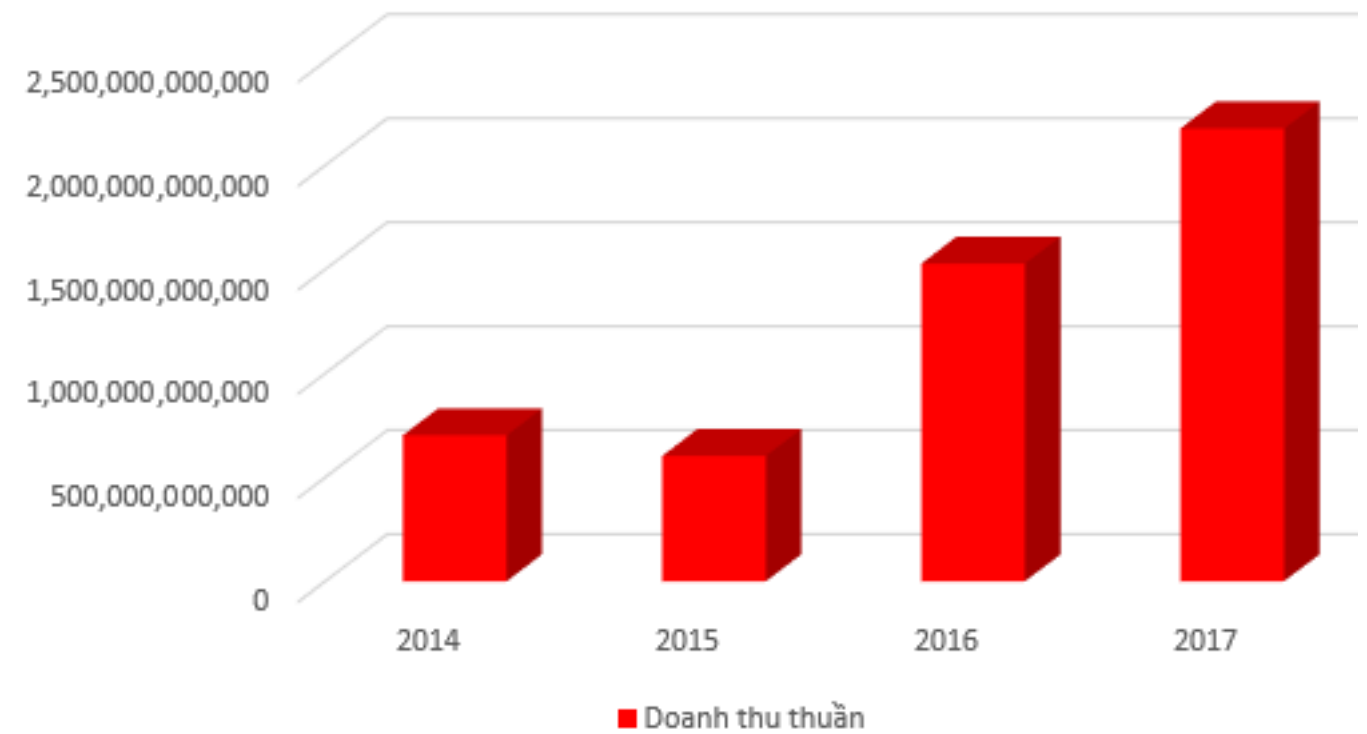
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Năm 2017 khép lại với thắng lợi của nền kinh tế Việt Nam trên phương diện tăng trưởng. Động lực tăng trưởng chung của nền kinh tế đã góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại xuất nhập khẩu của Công ty phát triển. Với sự nỗ lực hết sức mình của Ban lãnh đạo Công ty trong việc đề ra những chính sách đúng đắn, cùng sự thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các công tác đầu tư, sản xuất, nhập khẩu, quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm đạt được những kết quả sau:

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | % Tăng giảm |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 966.252.876.766 | 1.342.725.432.987 | 38,96 |
| Vốn chủ sở hữu | 224.433.658.547 | 254.232.173.577 | 13,28 |
| Doanh thu thuần | 1.527.851.129.612 | 2.177.478.220.401 | 42,52 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 903.497.031 | 16.771.585.274 | 1756,30 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 19.110.475.773 | 37.776.965.316 | 97,68 |
| Lợi nhuận khác | 501.292.694 | 2.118.641.311 | 322,64 |
| Lợi nhuận trước thuế | 18.609.183.079 | 39.895.606.627 | 114,38 |
| Lợi nhuận sau thuế | 14.738.427.481 | 29.824.590.986 | 102,36 |
| LNST/Vốn chủ sở hữu | 24,46% | 12,4% | 11,6% |

Dưới tác động ngoạn mục của tăng trưởng kinh tế Việt Nam, doanh thu các doanh nghiệp sản xuất nói chung và các công ty thương mại xuất nhập khẩu nói riêng đều tăng trong những năm gần đây. Đồng thời, nhờ những đường lối hợp lý của Ban lãnh đạo, Công ty đã có sự tăng trưởng vượt trội về doanh thu hoạt động tài chính đến từ lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá lần lượt cao hơn gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 2016. Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt mức 29.824.590.986 đồng, bằng 102,36% so với năm trước. Các chỉ tiêu khác như tổng giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu, doanh thu thuần, lợi nhuận thuần từ HĐKD... cũng tăng, ghi nhận một năm làm việc đạt kết quả tốt của Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Hiện nay, Công ty đã ký kết và đang tiến hành triển khai nhiều hợp đồng lớn. Trong đó chủ yếu là các hợp đồng thương mại trong nước và các hợp đồng Xuất nhập khẩu. Một số hợp đồng lớn trong năm 2017 cụ thể như sau:

- Các hợp đồng đầu vào của VPG

| Tên hợp đồng | Đối tác | Giá trị | Sản phẩm | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|--------------------------|---------|-------------------|---------------------|
| Hợp đồng số 04/2017/HĐMB/VP-THP | Công ty CP thép Hoà Phát | | Mua quặng vè viên | Đến 15/06/2017 |

- Các hợp đồng đầu ra của VPG

| Tên hợp đồng | Đối tác | Giá trị | Sản phẩm | Thời gian thực hiện |
|-------------------------------------|--|----------------------|---------------------------|---------------------|
| Hợp đồng số 01.2017/HĐMB/VPJSC-VTM | Công ty TNHH khoáng sản & luyện kim Việt Trung | 25.097.600.000 (VND) | Bán quặng vè viên NK | Đến hết |
| Hợp đồng số 06.2017/HĐMB/VP-JSC-VTM | Công ty TNHH khoáng sản & luyện kim Việt Trung | 27.280.000.000 | Bán quặng vè viên nội địa | Bắt đầu giao từ |

- Một số hợp đồng vận tải thường xuyên\

| Tên hợp đồng | Đối tác | Nội dung hợp đồng |
|--------------------------------|--|---------------------|
| Số 20.10.2017/HĐVC/VPJSC-HSPT | Công ty TNHH Thương mại Hùng Sơn Phú Thọ | Hợp đồng vận chuyển |
| Số 07.12.2017/HĐVC/VPJSC-THACO | Công ty TNHH Thaco Ngân Hà | Hợp đồng vận chuyển |
| Số 22.06.2017/HĐVC/VPJSC-ĐSHP | Công ty CP Dịch vụ Đường sắt Hải Phòng | Hợp đồng vận chuyển |
| Số 20.10.2017/HĐVC/VPJSC-VN | Công ty TNHH vận tải Việt Nhật | Hợp đồng vận chuyển |

\ \ Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Trên cơ sở khảo sát thị trường, Công ty tích cực đa dạng hoá các loại sản phẩm, dịch vụ nhằm đảm bảo nhu cầu của khách hàng luôn được đáp ứng một cách tốt nhất.

Trong nền kinh tế đang ngày càng phát triển, bất động sản đóng vai trò quan trọng, có tiền năng kinh tế cao mang đến lợi ích trực tiếp và lâu dài cho doanh nghiệp sở hữu. Mục tiêu của Việt Phát là trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại Hải Phòng. Với tinh thần khát khao sáng tạo và nắm bắt nhu cầu thị trường, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát đang từng bước đầu tư và phát triển lĩnh vực này trở thành một trong những hoạt động kinh tế đóng vai trò mũi nhọn của doanh nghiệp, sẵn sàng liên kết và hợp tác với các đối tác trong các dịch vụ sau:

- Đầu tư dự án gồm nhiều hạng mục khác nhau: Khu vui chơi, khu đô thị, nhà ở, văn phòng...
- Quản lý và cho thuê bất động sản
- Thi công xây dựng dự án Bất động sản trong và ngoài nước

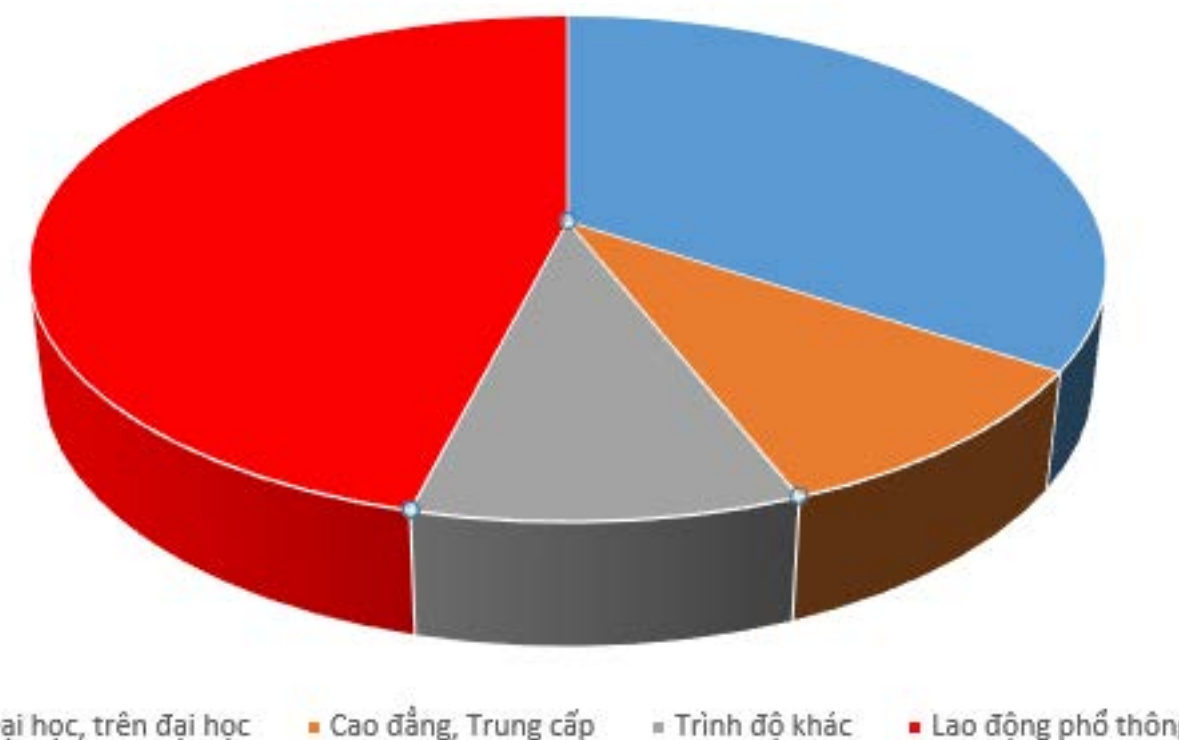
Những dự án chuẩn bị thực hiện trong tương lai với các dự án có tầm cỡ, quy mô lớn như làm cơ sở hạ tầng cho Đại siêu thị AEON MALL tại Hải Phòng, dự án khu hành chính, đô thị Bắc Sông Cấm, dự án đất liền kế Vĩnh Niệm,... Hiện tại, đại siêu thị AEON MALL tại Hải Phòng, khu đô thị Bắc Sông Cấm đã bắt đầu vào thực hiện công việc và Công ty đang tiến hành giải phóng mặt bằng. Dự án đất liền kế Vĩnh Niệm đang chờ duyệt thiết kế phân lô, khi duyệt xong Công ty sẽ tiến hành làm hạ tầng và mở bán. Đó sẽ là bước ngoặt lớn của Doanh nghiệp khi lấn sang thị trường Bất động sản. Kế hoạch năm 2018 giá trị san lấp mặt bằng tạo doanh thu 1.500 tỷ đồng về cho doanh nghiệp.



\\ CHÍNH SÁCH SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 26/12/2017, số lượng cán bộ nhân viên của Công ty là 118 người (không kể nhân công thuê theo mỗi dự án).

| Tên hợp đồng | Đối tác | Nội dung hợp đồng |
|-----------------------------------|---------|-------------------|
| Phân theo trình độ chuyên môn | 102 | 100% |
| Đại học, trên đại học | 35 | 34,31% |
| Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp | 10 | 9,8% |
| Trình độ khác | 10 | 9,80% |
| Lao động phổ thông | 47 | 46,08% |
| Phân theo đối tượng lao động | 102 | 100% |
| Lao động trực tiếp | 50 | 49,02% |
| Lao động gián tiếp | 52 | 50,98% |
| Phân theo giới tính | 102 | 100% |
| Nam | 81 | 79,41% |
| Nữ | 21 | 20,59% |



\\ Chính sách đối với người lao động

• Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc : Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 2h. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế thoáng mát, trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

• Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.

• Chính sách đào tạo

Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát đã xây dựng quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn gửi các cán bộ có thành

tích xuất sắc và năng lực tốt đi tham gia vào các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ và kiến thức chuyên môn. Ngoài ra Công ty cũng thường xuyên tổ chức những chuyến thăm quan cho đội ngũ lao động của mình để tìm hiểu các mô hình kĩ thuật ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng để họ làm quen và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn Công ty.

• Chính sách lương thưởng

Công ty đã ban hành quy chế tiền lương thưởng dựa trên sự đóng góp của từng lao động vào sự phát triển của công ty. Ngoài các đợt khen thưởng trong các dịp lễ, tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập công ty. Đầu tư thương mại XNK Việt Phát còn có những chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất. Tiền lương cơ bản dựa trên mức lương cơ bản của Nhà nước nhân với hệ số lương của người lao động được hưởng. Đối với tiền thưởng Công ty thực hiện chế độ thưởng đối với người lao động theo quy chế lương thưởng tại Công ty tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, trong năm, và kết quả phân phối lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm. Công ty thường xuyên tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát, khuyến học cho con em họ; Tặng quà cho người lao động trong các dịp lễ tết, sinh nhật; Kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ khi có khó khăn. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện các chính sách từ thiện xã hội, tổ chức phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, đồng thời góp phần đóng góp phúc lợi xã hội

• Chính sách trợ cấp

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về trợ cấp đối với người lao động theo đúng quy định hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng trợ cấp đối với một số đối tượng theo luật định như trợ cấp thai sản, trợ cấp ốm đau, trợ cấp lương hưu, trợ cấp thất nghiệp... Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được thêm phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro, trợ cấp xa gia đình (nếu được điều động đi công tác dài hạn cách xa nơi cư trú).

Nhìn chung, các chính sách đối với người lao động của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát thực hiện trong những năm qua đã thực sự đem lại hiệu quả, tạo ra sự cạnh tranh thi đua trong công việc, tạo động lực và giữ vững niềm tin nơi người lao động để họ tiếp tục gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Với sự nỗ lực hết sức mình của Ban lãnh đạo Công ty trong việc đề ra những chính sách đúng đắn, cùng sự thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các công tác đầu tư, sản xuất, quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm đạt được những kết quả sau:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | % Tăng giảm |
|-----|-----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 966.252.876.766 | 1.342.725.432.987 | 38,96 |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.527.851.129.612 | 2.177.478.220.401 | 42,52 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 19.110.475.773 | 37.776.965.316 | 97,68 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 501.292.694 | 2.118.641.311 | 322,64 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 18.609.183.079 | 39.895.606.627 | 114,38 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 14.738.427.481 | 29.824.590.986 | 102,36 |
| 7 | Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu | 1.268 | 1.491 | 17,59 |

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | % Tăng giảm |
|-----|--|----------|----------|-------------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| | Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,21 | 1,06 | 87,66 |
| | Hệ số thanh toán nhanh | 0,72 | 0,8 | 111,67 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| | Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,77 | 0,81 | 105,19 |
| | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 3,31 | 4,28 | 129,53 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| | Vòng quay hàng tồn kho | 6,28 | 6,32 | 100,74% |
| | Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1,58 | 1,62 | 102,56 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%) | 0,96 | 1,37 | 141,99 |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) | 6,57 | 11,73 | 178,64 |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) | 1,53 | 2,22 | 145,62 |
| | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần (%) | 1,25 | 1,73 | 138,70 |

- Về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn năm nay giảm từ 1,21 xuống còn 1,06, trong khi hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,72 lên 0,8 là do sự tăng không đồng đều giữa cơ cấu tài sản và nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm chứng tỏ Công ty đã sử dụng nợ ngắn hạn nhiều hơn trong sản xuất. Bằng chứng là năm nay nợ ngắn hạn đã tăng 146,90% so với năm ngoái, trong khi đà tăng của tài sản ngắn hạn thấp hơn, đạt 128,77% so với cùng kỳ năm 2016.

- Về cơ cấu vốn: Chỉ số năm nay tăng so với năm ngoái, cụ thể Hệ số nợ/tổng tài sản và Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu trong năm 2017 của Công ty đạt mức tương ứng là 0,81 và 4,28. Rõ ràng công ty sử dụng nợ ngắn hạn nhiều hơn tuy nhiên sự tăng thấp hơn so với tài sản của Công ty

- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Các hệ số về năng lực hoạt động đều có thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn so với với năm trước khi chỉ số vòng quay hàng tồn kho năm 2017 bằng 100,74% so với cùng kỳ năm 2016 và Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản cũng tăng do doanh thu thuần và tổng tài sản đều ghi nhận mức tăng, tuy nhiên doanh thu thuần có xu hướng tăng nhanh hơn.

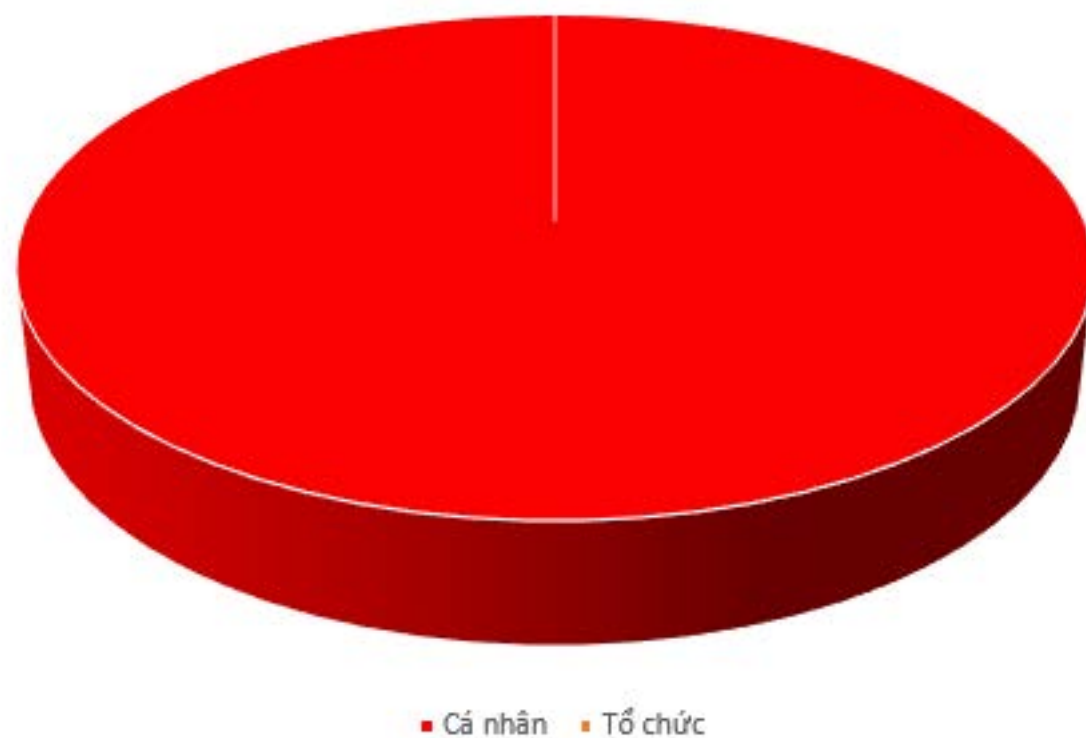
- Về khả năng sinh lời: Có thể nhận thấy, các chỉ số về khả năng sinh lời trong năm 2017 đều tăng so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chính do trong năm công ty đã thực hiện công tác quản lý chi phí khá tốt, chi phí được sử dụng hợp lý và tiết kiệm làm cho tất cả chỉ tiêu chi phí đều có xu hướng giảm, từ đó dẫn tới tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần, vốn chủ sở hữu và tài sản. Đây là thành tích đáng ghi nhận của công ty trong năm vừa qua.

\\ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a. Cơ cấu cổ đông

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------|------------------|------------------|-----------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 319 | 20.000.000 | 100 |
| | - Cá nhân | 319 | 20.000.000 | 100 |
| | - Tổ chức | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 |
| | - Cá nhân | 0 | 0 | 0 |
| | - Tổ chức | 0 | 0 | 0 |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm 2017, Công ty không có đợt thay đổi vốn điều lệ.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

a/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | % Tăng giảm |
|-----|-----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 1.527.851.129.612 | 2.177.478.220.401 | 42,52 |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 1.465.372.848.966 | 2.044.872.657.607 | 39,55 |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 62.478.280.646 | 132.605.562.794 | 112,24 |
| 4 | Doanh thu từ hoạt động tài chính | 903.497.031 | 16.771.585.274 | 1756,30 |
| 5 | Chi phí hoạt động tài chính | 19.625.383.586 | 30.820.955.831 | 57,05 |
| 6 | Chi phí bán hàng | 9.445.044.708 | 55.329.312.525 | 485,80 |
| 7 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 15.200.873.610 | 25.449.914.396 | 67,42 |
| 8 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 19.110.475.773 | 37.776.965.316 | 97,68 |
| 9 | Lợi nhuận khác | 501.292.694 | 2.118.641.311 | 322,64 |
| 10 | Lợi nhuận trước thuế | 18.609.183.079 | 39.895.606.627 | 114,38 |
| 11 | Lợi nhuận sau thuế | 14.738.427.481 | 29.824.590.986 | 102,36 |

Đánh giá chung::

Sau gần 10 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã không ngừng đẩy mạnh phát huy lĩnh vực kinh doanh truyền thống, đồng thời mở rộng thêm nhiều mảng kinh doanh, sản xuất khác, tạo những bước đột phá để dẫn khảng định vị thế của một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về kinh doanh, sản xuất khoáng sản, vận tải, xây dựng và dịch vụ xuất nhập khẩu. Năm 2017, nhờ sự nỗ lực cố gắng của toàn thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu đã hoàn thành công tác sản xuất, kinh doanh với mục đích phấn đấu chất lượng sản phẩm ngày càng hoàn thiện và thời gian giao hàng đúng hạn, dịch vụ chăm sóc khách hàng được chú trọng

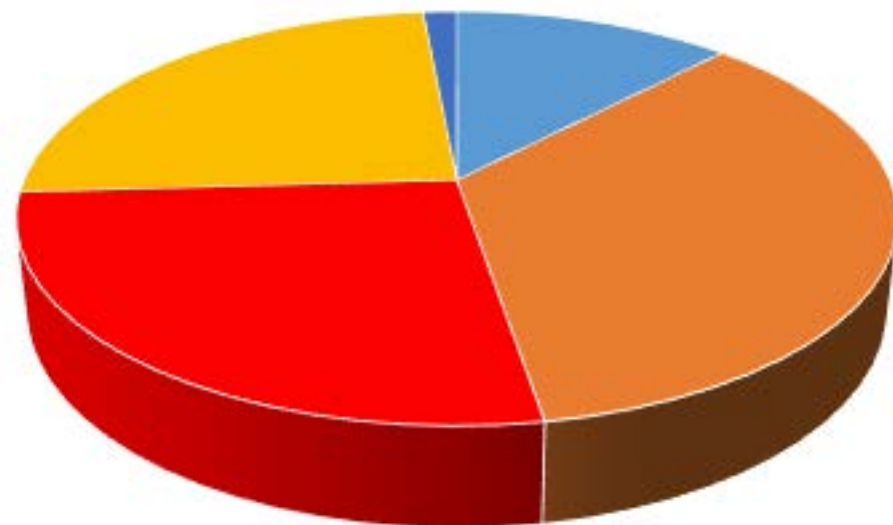
Doanh thu và lợi nhuận

- Doanh thu thuần đạt 2.177.478.220.401 đồng, cao hơn 42,52% so với cùng kỳ năm 2016
- Sau một năm thay đổi phương pháp điều hành và quản lý mới nên một số đầu chi phí đã tăng cao. Đến năm 2017, Công ty đã đạt được kết quả rất tốt, lợi nhuận sau thuế tăng tới 102,36%

b/ Tình hình tài chính

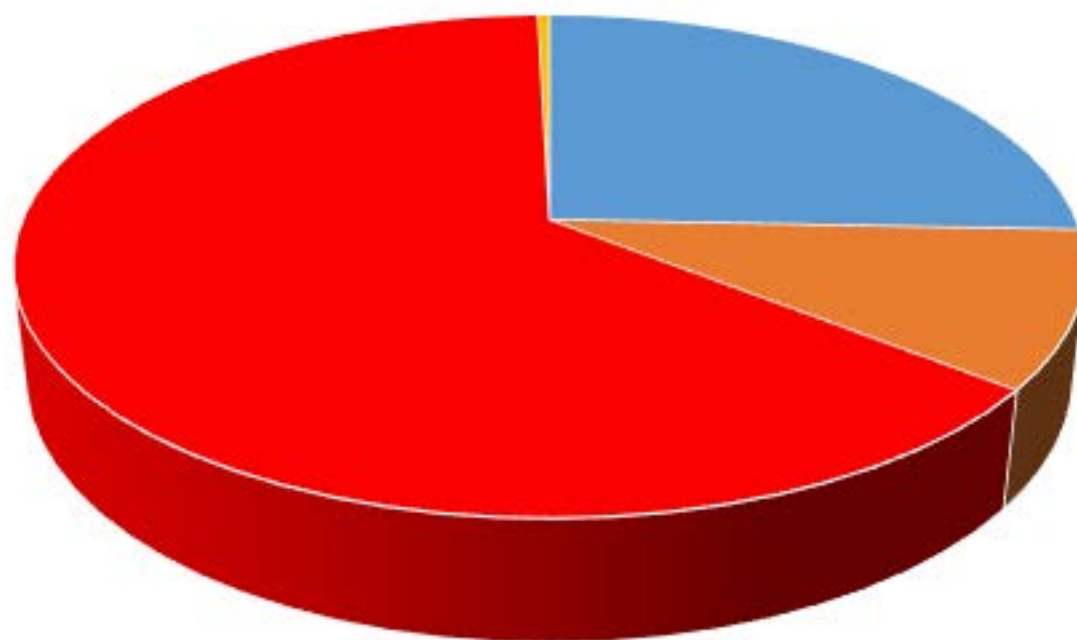
| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | % Tăng giảm |
|------------------------------------|-----------------|-------------------|-------------|
| Tài sản ngắn hạn | 895.986.474.291 | 1.153.805.567.792 | 128,77 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 84.203.409.963 | 140.635.846.593 | 167,02 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | 405.650.000.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 413.156.430.524 | 308.212.891.036 | 74,60 |
| Hàng tồn kho | 364.672.794.586 | 282.236.605.485 | 77,39 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 33.953.839.218 | 17.070.224.678 | 50,27 |
| Tài sản dài hạn | 70.266.402.475 | 188.919.865.195 | 268,86 |
| Tài sản cố định | 39.006.619.989 | 48.453.331.710 | 124,22 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 16.447.082.772 | 254.232.173.577 | 322,64 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 14.000.000.000 | 120.750.000.000 | 862,50 |
| Tài sản dài hạn khác | 782.699.714 | 791.499.205 | 101,12 |
| Tổng tài sản | 966.252.876.766 | 1.342.725.432.987 | 138,96 |
| Nợ phải trả | 741.819.218.219 | 1.088.493.259.410 | 146,73 |
| Nợ ngắn hạn | 738.738.418.219 | 1.085.197.059.410 | 146,90 |
| Nợ dài hạn | 3.080.800.000 | 3.296.200.000 | 106,99 |
| Vốn chủ sở hữu | 224.433.658.547 | 254.232.173.577 | 113,28 |

TÀI SẢN NGẮN HẠN



- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn khác

TÀI SẢN DÀI HẠN



- Tài sản cố định
- Tài sản dở dang dài hạn
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Tài sản dài hạn khác

Đánh giá chung:

a/ Tài sản:

Nhìn chung, tổng tài sản cuối năm 2017 của VPG tăng đáng kể so với đầu năm, cụ thể tính đến ngày 31/12/2017, tổng tài sản của VPG là hơn 1.342 tỷ đồng tăng hơn 376 tỷ đồng so với năm 2016 tương ứng với mức tăng 38,96%. Mặc dù tài sản ngắn hạn có giảm gần 50% nhưng tài sản dài hạn lại tăng 68,86% so với cùng thời điểm năm 2016 làm cho tài sản dài hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị của tổng tài sản của công ty. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2017, đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất chiếm trên 35% giá trị tài sản ngắn hạn, tiếp theo là các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho chiếm lần lượt trên 26% và 24%, hàng tồn kho và các khoản phải thu có xu hướng giảm. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty. Tài sản dài hạn tăng mạnh, bằng 268,86% so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh đó các chỉ tiêu còn lại của Tài sản dài hạn cũng tăng lên, tài sản cố định tăng hơn 9 tỷ đồng, tài sản dở dang dài hạn tăng hơn 2 tỷ đồng và tài sản dài hạn khác tăng 8 triệu đồng.

b/ **Nợ phải trả:** Đến thời điểm 31/12/2017, các khoản nợ phải trả của công ty là hơn 1.088 tỷ đồng và tăng 46,73% so với cùng thời điểm năm 2016 với giá trị nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn.

c/ **Vốn chủ sở hữu:** Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 13,28% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016.

d/ Những cải tiến về cơ cấu chính sách quản lý

Năm 2017, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của công ty. Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý. Mặc dù mới hoàn thiện thủ tục niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, ngày giao dịch đầu tiên là 18/01/2018, nhưng Công ty không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định 71 /2017/NĐ-CP chính thức có hiệu lực từ ngày 01/8/2017 của Bộ Tài chính. Công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04

a. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2017

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | % Tăng giảm |
|--------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| Doanh thu thuần | 1.527.851.129.612 | 2.177.478.220.401 | 142,52% |
| Lợi nhuận sau thuế | 14.738.427.481 | 29.824.590.986 | 202,36% |

- Trong năm 2017, doanh thu của Công ty đạt 2.177 tỷ đồng tăng trưởng 42,52% so với cùng kỳ năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt 29,8 tỷ đồng tăng trưởng 102,36% so với năm 2016. Mặc dù có kết quả khả quan so với năm 2016 tuy nhiên doanh thu và lợi nhuận không đạt chỉ tiêu mà đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2017.
- Năm 2017, công ty tiếp tục nghiên cứu phát triển, mở rộng dự án bất động sản, xây dựng.
- Năm 2017, về cơ bản vẫn giữ nguyên quy mô, cơ cấu, tổ chức nhân sự và ổn định mọi hoạt động.
- Thương hiệu và uy tín công ty ngày càng nâng cao, Công ty vẫn là nhà cung cấp đầu vào quặng sắt cho các nhà máy lớn như CTCP thép Hòa Phát, Công ty TNHH thép DONGBU Việt Nam, CTCP thép SAMINA...và là nhà cung cấp than cho các nhà máy nhiệt điện, nhà máy thép lớn như CTCP Gang thép Thái Nguyên, CTCP Năng lượng Hòa Phát...

b. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày của công ty.

Việc phối hợp hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục nên việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát nhịp nhàng và hiệu quả. Việc điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành không bị cản trở, việc giám sát của Hội đồng quản trị và của Ban kiểm soát được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, luôn hành động vì lợi ích của cổ đông công ty.

Trong năm Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông

tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Tổng giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và đột xuất.

Nói chung, năm 2017 với tình hình kinh tế thế giới nói chung và tình hình Việt Nam nói riêng khởi sắc, đồng thời với kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty, Hội đồng quản trị đề cao những nỗ lực của Ban Giám đốc đã hoàn thành các chiến lược đề ra trong Đại hội đồng cổ đông, chấp hành tốt các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, cũng như chấp hành tốt các chính sách pháp luật Nhà nước.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

Hội đồng quản trị đã họp và chỉ đạo kịp thời các nội dung chính sau:

- Thông qua các nội dung của chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2017;
- Thông qua kế hoạch kinh doanh các quý và cả năm 2017;
- Bổ nhiệm kế toán trưởng Công ty
- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán 2015, 2016
- Thông qua quy trình công bố thông tin của Công ty cổ phần Đầu tư thương mại xuất nhập khẩu Việt Phát.
- Thông qua nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH thương mại vận tải Âu Việt.
- Thông qua việc góp vốn thành lập và cử người đại diện quản lý vốn góp tại Công ty cổ phần xây dựng Bất động sản Việt Phát.
- Thông qua góp vốn thành lập và cử người đại diện quản lý vốn góp tại Công ty cổ phần VIPAMECC
- Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc
- Thông qua giá tham chiếu chào sàn HOSE
- Thông qua việc thoái toàn bộ vốn tại Công ty cổ phần xây dựng Bắc Hải

đ. Thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Năm 2017, Hội đồng quản trị không nhận thù lao.

e. Phương hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2018

Trong năm qua, hoạt động của Hội đồng quản trị tập trung vào việc chỉ đạo thực hiện việc xây dựng và ban hành các quy chế hoạt động của công ty bao gồm: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Công bố Bản cáo bạch; Chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát để các hoạt động sản xuất kinh doanh hoạt động ổn định, phấn đấu thực hiện các mục tiêu chiến lược dài hạn, kết quả kinh doanh năm 2017 tăng trưởng tốt. Năm 2018, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2018, với kế hoạch, định hướng sau:

Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua đảm bảo an toàn, chất lượng theo yêu cầu

Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và điều hành phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm

Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các Nghị quyết của HĐQT về: giám sát hiệu quả sản xuất, cung ứng sản phẩm, văn hoá doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, tổ chức nhân sự và đào tạo...

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro

Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các Quy chế, Quy định nội bộ phù hợp theo quy định pháp luật

Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hoá sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.



CHƯƠNG 05

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát

3. Các giao dịch, lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc



\\ Giới thiệu Ban lãnh đạo

a. Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch HĐQT

| | |
|--------------------------------|---|
| Ngày sinh | 04/07/1973 |
| Nguyên quán | Hải Dương |
| Trình độ chuyên môn | Quản trị kinh doanh |
| Quá trình công tác | - Từ 2008 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | Không |
| Số cổ phần nắm giữ | 7.320.800 CP tương ứng với tỷ lệ 36.6% |

- Ông Nguyễn Xuân Trường - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

| | |
|--------------------------------|--|
| Ngày sinh | 24/12/1975 |
| Nguyên quán | Nam Định |
| Trình độ chuyên môn | Quản trị Kinh doanh |
| Quá trình công tác | - 1999-2008: Kinh doanh vận tải + 2009-nay: Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | Không |
| Số cổ phần nắm giữ | 1,000,000 CP tương ứng với tỷ lệ 5% |

- Ông Nguyễn Văn Đức - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

| | |
|--------------------------------|---|
| Ngày sinh | 01/10/1985 |
| Nguyên quán | Hải Dương |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư N/A |
| Quá trình công tác | - 2008 - nay: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | Không |
| Số cổ phần nắm giữ | 1,000,000 CP tương ứng với tỷ lệ 5% |
| Số cổ phần nắm giữ | 1,000,000 CP tương ứng với tỷ lệ 5% |

- Bà Lê Thị Thanh Lệ - Thành viên HĐQT

| | |
|--------------------------------|---|
| Ngày sinh | 22/03/1980 |
| Nguyên quán | Hải Phòng |
| Trình độ chuyên môn | Quản trị Kinh doanh |
| Quá trình công tác | - 2009-2013: Thủ quỹ Công ty TNHH thương mại vận tải Âu Việt + 2013-2015: Giám đốc Công ty TNHH thương mại vận tải Âu Việt + 2015-nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát, Thành viên Hội đồng quản trị |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | Không |
| Số cổ phần nắm giữ | 2,000,000 CP tương ứng với tỷ lệ 10% |

- Ông Nguyễn Văn Dũng – Thành viên HĐQT

| | |
|--|---|
| Ngày sinh | 10/10/1987 |
| Nguyên quán | Hải Phòng |
| Trình độ chuyên môn | Quản trị Kinh doanh |
| Quá trình công tác | - 2013-2015: Giám đốc chi nhánh Hải Dương Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát |
| + 2015-2016: Giám đốc Công ty TNHH thương mại vận tải Âu Việt | Không |
| + 2016-15/04/2018: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát | Không |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | Không |

b. Ban Tổng giám đốc

- 1/ Ông Nguyễn Xuân Trường – Tổng giám đốc
Sơ yếu lý lịch như trên
- 2/ Ông Nguyễn Văn Đức – Phó Tổng giám đốc
Sơ yếu lý lịch như trên
- 3/ Ông Mai Quang Hợp – Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 31/08/1982
 Nguyên quán: Thanh Hoá
 Trình độ chuyên môn: Tài chính kế toán
 Quá trình công tác Từ 2008-2014: Phó Phòng kiểm toán Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và kiểm
 + 2014 - nay: Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát
 Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 Số cổ phần nắm giữ: 200,000 CP tương ứng với tỷ lệ 1%

c. Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Hương – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 05/03/1978
 Nguyên quán: Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Quản trị Tài chính Kế toán
 Quá trình công tác
 + Từ 2016 – 31/01/2018: Kế toán trưởng Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu Việt Phát
 Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 Số cổ phần nắm giữ: 100,000 CP tương ứng với tỷ lệ 0,5%

d. Ban kiểm soát

1/ Bà Nguyễn Thị Mai Hoa – Trưởng ban kiểm soát

Ngày sinh: 25/04/1977
 Nguyên quán: Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính-Kế toán - Đại học Kinh tế Quốc dân (1999)
 Quá trình công tác
 + Từ năm 2016 : Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu Việt Phát
 + Từ năm 2013 đến năm 2015 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Đức Anh
 + Từ tháng 04 năm 2010 đến ngày 12 tháng 04 năm 2012 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải
 Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 Số cổ phần nắm giữ : 1,000 CP tương ứng với tỷ lệ 0,005%

2/ Bà Nguyễn Thị Giáng Hương- Thành viên ban kiểm soát

Ngày sinh: 06/01/1994
 Nguyên quán: Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh (Kế toán kiểm toán)
 Quá trình công tác
 + Từ 2014 – 2015: Kế toán viên Văn phòng kế toán Hoàng Ngân
 + Từ 2016 – 15/04/2018: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu Việt Phát
 Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 Số cổ phần nắm giữ+ 10,000 CP tương ứng với tỷ lệ 0,05%

3/ Bà Lương Việt Liên- Thành viên ban kiểm soát

Ngày sinh: 09/03/1993

Nguyên quán: Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh (Kế toán kiểm toán)

Quá trình công tác

- Từ 2015-2016: Kế toán viên Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và XNK Trọng Hoàng
- Từ 2016 - 15/04/2018: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu Việt Phát

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ : 10,000 CP tương ứng với tỷ lệ 0,05%

\\Các hoạt động của Ban kiểm soát

1. Các hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia các buổi làm việc của Hội đồng quản trị về kế hoạch hoạt động của Công ty.
- Tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện.
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban điều hành và Phòng Tài chính kế toán chuẩn bị.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát

Trong năm qua các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp.

Trong năm 2017 Ban kiểm soát đã có những đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

- Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban điều hành.
- Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông.

- Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|---------------------------|------------|---------------------|-------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Mai Hoa | Trưởng ban | 2 | 100% |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Giáng Hương | Thành viên | 2 | 100% |
| 3 | Bà Lương Việt Liên | Thành viên | 2 | 100% |

3. Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2017: Năm 2017, Ban kiểm soát không nhận thù lao

4. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Đến hết năm 2017 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Hệ thống kiểm soát tài chính và chế độ giao ban vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp. Ban Kiểm soát đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của kiểm toán. Báo cáo tài chính được lập đầy đủ, kịp thời, các thông tin về tình hình tài chính được công bố, thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được nhu cầu của các cơ quan hữu quan và nhà đầu tư.

5. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban điều hành, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban điều hành.

Ban Kiểm soát cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty đã thể hiện trách nhiệm trong việc điều hành.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.

6. Định hướng hoạt động năm 2018 của Ban kiểm soát

Trong năm 2018, Ban kiểm soát sẽ triển khai thực hiện nhiệm vụ theo định hướng mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua trong phạm vi nghĩa vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ công ty và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

Kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động quản trị và điều hành, đầu tư sản xuất kinh doanh của Công ty Tăng cường kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng và nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động... các bên liên quan khác.

Giới thiệu báo cáo

VPG tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của VPG được nêu ra trong Báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của VPG ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp,

Phạm vi

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát, các đơn vị thành viên trong lĩnh vực điện lực và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam

Cách thức trình bày

Báo cáo được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn "Cốt lõi" và hướng dẫn làm BCTN tại thông tư 155 của bộ Tài Chính. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, Báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của Công ty có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

- Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát
- Địa chỉ: Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: +84 (255). 3569.699
- Fax: +84 (255). 3569.689

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỆN VÀ NƯỚC



Năng lượng tiết kiệm điện thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Công ty hiện tại đang áp dụng rất tốt chính sách tiết kiệm điện. Với mục tiêu quán triệt cho toàn thể CBCNV Công ty ý thức tiết kiệm điện, thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc
- Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên
- Chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết
- Khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

Công ty luôn hướng đến việc tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước nhờ vào:

- Sử dụng nước đúng mục đích, hợp lý
- Có kế hoạch thay thế, loại bỏ dần phương tiện, thiết bị có công nghệ lạc hậu, tiêu thụ nhiều nước
- Cải tiến, hợp lý hóa quy trình sử dụng nước; áp dụng kỹ thuật, công nghệ, thiết bị tiên tiến trong khai thác, sử dụng nước; tăng khả năng sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; tích trữ nước mưa để sử dụng

Tuân thủ pháp luật về môi trường

Trong năm 2017, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường, góp phần giúp Công ty không gặp rủi ro về pháp lý, thanh kiểm tra và chế tài xử phạt khi có đoàn kiểm tra. Bên cạnh đó, cũng nhờ sự ý thức, trách nhiệm này, Công ty có môi trường làm việc rất an toàn, các cán bộ công nhân viên được đảm bảo về sức khỏe, từ đó yên tâm công tác, đảm bảo năng suất lao động



Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững. Công ty còn là đơn vị điển hình tích cực tài trợ các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đến ơn đáp nghĩa với mong muốn đóng góp vì một cuộc sống chất lượng hơn - hạnh phúc hơn. Các hoạt động xã hội từ thiện giờ đây đã như một việc làm thường xuyên không thể thiếu và được hưởng ứng nhiệt tình từ lãnh đạo đến nhân viên.

Việc triển khai tốt trách nhiệm xã hội không những giúp Công ty kinh doanh tốt mà còn hỗ trợ Công ty giải quyết những vấn đề mang tính chiến lược và cốt lõi liên quan đến kinh doanh và các vấn đề xã hội.

Các hoạt động với cộng đồng xã hội

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Hiện tại Công ty Việt Phát vẫn đang sử dụng công nghệ đơn giản trong sơ chế quặng như: Phun nước rửa quặng, sàng sảy, nghiền để phân loại quặng sau đó xuất bán cho khách hàng. Trong năm 2017 Công ty đã lắp đặt mới dây chuyền ép cốc chuyên than cám, than có nhiệt lượng thấp thành than cốc có nhiệt lượng cao chuyên dùng cho các lò thép. Đến nay, dây chuyền đang lắp đặt, chạy thử để chuẩn bị đưa vào vận hành chính thức.

Công ty đang có kế hoạch đầu tư, nâng cấp công nghệ hiện đại phù hợp nhất với thực tế và yêu cầu đầu ra sản phẩm. Tiêu chí hàng đầu là công nghệ đó phải là công nghệ mới, hiện đại đảm bảo sản phẩm đáp ứng các yêu cầu của các đối tác nhập khẩu theo tiêu chuẩn quốc tế cũng như đáp ứng những yêu cầu về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp nhất với điều kiện sản xuất tại Việt Nam.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2017, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường, góp phần giúp Công ty không gặp rủi ro về pháp lý, thanh kiểm tra và chế tài xử phạt khi có đoàn kiểm tra. Bên cạnh đó, cũng nhờ sự ý thức, trách nhiệm này, Công ty có môi trường làm việc rất an toàn, các cán bộ công nhân viên được đảm bảo về sức khỏe, từ đó yên tâm công tác, đảm bảo năng suất lao động.

CÁC HOẠT ĐỘNG VỚI CỘNG ĐỒNG-XÃ HỘI

Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững. Công ty còn là đơn vị điển hình tích cực tài trợ các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa với mong muốn đóng góp vì một cuộc sống chất lượng hơn - hạnh phúc hơn. Các hoạt động xã hội từ thiện giờ đây đã như một việc làm thường xuyên không thể thiếu và được hưởng ứng nhiệt tình từ lãnh đạo đến nhân viên.

Cụ thể:

| STT | Nội dung | Tổng tiền |
|-------------|--|--------------------|
| 1 | Chương trình khám bệnh và phát thuốc miễn phí (50tr tiền thuốc + chi phí ăn trưa) | 60.890.000 |
| 2 | Ủng hộ gia đình thương binh liệt sỹ, gia đình chính sách | 30.000.000 |
| 3 | Ấm chén tặng gia đình chính sách, có công với cách mạng (220 bộ x 140.000đ) | 30.880.000 |
| 4 | Ủng hộ Tây Bắc mưa lũ | 20.604.000 |
| 5 | Ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả bão số 10 | 20.000.000 |
| 6 | Ủng hộ người nghèo (Tháng cao điểm vì người nghèo) | 30.000.000 |
| 7 | Đi từ thiện thực tế tại Thanh Hóa (5 gia đình * 5tr) | 25.000.000 |
| 8 | Hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (10tr) + 17 suất quà 300.000 tặng người nghèo | 15.100.000 |
| 9 | In tài liệu phát hành nội bộ: Tuyển tập những ca khúc về quận Hồng Bàng | 30.000.000 |
| Tổng | | 262.474.000 |

Việc triển khai tốt trách nhiệm xã hội không những giúp cho Công ty kinh doanh tốt mà còn hỗ trợ Công ty giải quyết những vấn đề mang tính chiến lược và cốt lõi liên quan đến kinh doanh và các vấn đề xã hội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2017

Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 8 - 9 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 31 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Văn Bình | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Xuân Trường | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Đức | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Dũng | Thành viên |
| Bà Lê Thị Thanh Lệ | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|------------------------|--|
| Ông Nguyễn Xuân Trường | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Đức | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Mai Quang Hợp | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Thị Thanh Lệ | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2017) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Số: 483 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

- Các Cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán phát hành lại đề ngày 08 tháng 12 năm 2017 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1688-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.153.805.567.792 | 895.986.474.291 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 140.635.846.593 | 84.203.409.963 |
| 1. Tiền | 111 | | 49.202.416.080 | 29.903.409.963 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 91.433.430.513 | 54.300.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5 | 405.650.000.000 | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 1.800.000.000 | - |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 403.850.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 308.212.891.036 | 413.156.430.524 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 155.017.747.991 | 331.280.170.422 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 76.372.701.268 | 59.318.087.146 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 76.822.441.777 | 22.558.172.956 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 282.236.605.485 | 364.672.794.586 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 282.236.605.485 | 364.672.794.586 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 17.070.224.678 | 33.953.839.218 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 10 | 1.177.000.916 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 15.893.223.762 | 33.889.441.668 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 12 | - | 64.397.550 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 188.919.865.195 | 70.266.402.475 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 48.453.331.710 | 39.006.619.989 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 48.453.331.710 | 39.006.619.989 |
| - Nguyên giá | 222 | | 69.346.196.817 | 52.779.445.093 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (20.892.865.107) | (13.772.825.104) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 18.925.034.280 | 16.477.082.772 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 13 | 18.925.034.280 | 16.477.082.772 |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5 | 120.750.000.000 | 14.000.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | | 14.000.000.000 | - |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 102.750.000.000 | 14.000.000.000 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 4.000.000.000 | - |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 791.499.205 | 782.699.714 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 10 | 791.499.205 | 782.699.714 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.342.725.432.987 | 966.252.876.766 |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.088.493.259.410 | 741.819.218.219 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.085.197.059.410 | 738.738.418.219 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 94.593.874.036 | 341.578.940.937 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 15 | 57.831.659.449 | 1.491.532.500 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 313 | 12 | 3.278.028.531 | 459.470.165 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 912.769.437 | - |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 16 | 2.110.779.097 | - |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17 | 659.493.230.081 | 115.690.190.544 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 18 | 266.976.718.779 | 279.518.284.073 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 3.296.200.000 | 3.080.800.000 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 19 | 3.296.200.000 | 3.080.800.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 20 | 254.232.173.577 | 224.433.658.547 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 254.232.173.577 | 224.433.658.547 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 54.232.173.577 | 24.433.658.547 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 24.433.658.547 | 9.695.291.066 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 29.798.515.030 | 14.738.367.481 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 1.342.725.432.987 | 966.252.876.766 |


Vũ Thị Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2018


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 2.179.869.417.194 | 1.527.851.129.612 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 2.391.196.793 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 23 | 2.177.478.220.401 | 1.527.851.129.612 |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 24 | 2.044.872.657.607 | 1.465.372.848.966 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 132.605.562.794 | 62.478.280.646 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 16.771.585.274 | 903.497.031 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 27 | 30.820.955.831 | 19.625.383.586 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 27.639.035.317 | 14.895.822.718 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 28 | 55.329.312.525 | 9.445.044.708 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 28 | 25.449.914.396 | 15.200.873.610 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)) | 30 | | 37.776.965.316 | 19.110.475.773 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 29 | 6.115.020.570 | 1.742.694.034 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 30 | 3.996.379.259 | 2.243.986.728 |
| 13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32) | 40 | | 2.118.641.311 | (501.292.694) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 39.895.606.627 | 18.609.183.079 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 31 | 10.071.015.641 | 3.870.755.598 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) | 60 | | 29.824.590.986 | 14.738.427.481 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 32 | 491 | 1.268 |


Vũ Thị Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------------|-------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 39.895.606.627 | 18.609.183.079 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 7.443.449.094 | 5.520.958.855 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 177.502.498 | - |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (16.283.793.660) | - |
| Chi phí lãi vay | 06 | 27.639.035.317 | 14.895.822.718 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 58.871.799.876 | 39.025.964.652 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 134.809.112.522 | (281.448.197.005) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 82.436.189.101 | (262.318.083.302) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 354.652.881.795 | 346.729.430.839 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (1.185.800.407) | 188.142.613 |
| Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | (1.800.000.000) | - |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (27.365.311.108) | (14.895.822.717) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (7.283.049.127) | (3.400.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 593.135.822.652 | (176.118.564.920) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (18.256.056.810) | (21.271.007.799) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | (565.500.000.000) | - |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác | 24 | 157.650.000.000 | - |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (126.750.000.000) | (14.000.000.000) |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác | 26 | 24.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 4.478.836.082 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (524.377.220.728) | (31.271.007.799) |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|---------------------|-------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 100.000.000.000 |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | 1.275.675.324.184 | 820.887.924.706 |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (1.288.001.489.478) | (648.753.490.633) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (12.326.165.294) | 272.134.434.073 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | 56.432.436.630 | 64.744.861.354 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 84.203.409.963 | 19.458.548.609 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60) | 70 | 140.635.846.593 | 84.203.409.963 |

Vũ Thị Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Trường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁTSố 123BT 02-97 Bạch Đằng
Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 03-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200826844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 18 tháng 01 năm 2018 với mã chứng khoán là VPG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 98 người (31 tháng 12 năm 2016 là 75 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến và kinh doanh khoáng sản;
- Thép tiền chế;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ cảng nội địa kho bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ % | Hoạt động chính |
|--|----------------------------|----------------|----------------------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Quý | Hải Phòng | 46,67 | 46,67 | Khai thác khoáng sản |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | Năm nay |
|------------------------|---------|
| | Số năm |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 8 - 10 |
| Máy móc, thiết bị | 4 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 4 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 3 - 10 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm các khoản trả trước về tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa cơ sở tính thuế thu nhập và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 2.545.951.500 | 3.721.287.339 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 46.656.464.580 | 26.182.122.624 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 91.433.430.513 | 54.300.000.000 |
| | 140.635.846.593 | 84.203.409.963 |

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số khoản tương đương tiền đã dùng để đảm bảo các khoản nợ vay như sau:

- Khoản tiền gửi 31.800.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng dùng để bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng này.
- Khoản tiền gửi 90.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội dùng để bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng này.
- Khoản tiền gửi 15.743.430.513 VND tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân Hải Phòng dùng để bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng này.

14/03/2018
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

12/03/2018
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
TP. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-------------------------------|-----------------------|------------------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| a. Chứng khoán kinh doanh | | | | |
| - Các khoản đầu tư khác | 1.800.000.000 | 1.800.000.000 | - | - |
| <i>Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt (i)</i> | 1.800.000.000 | 1.800.000.000 | - | - |
| | Số cuối năm Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Số đầu năm Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn | | | | |
| b1. Ngắn hạn | 403.850.000.000 | 403.850.000.000 | - | - |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (ii) | 403.850.000.000 | 403.850.000.000 | - | - |
| b2. Dài hạn | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 | - | - |
| - Trái phiếu | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 | - | - |
| | Số cuối năm Giá gốc VND | Dự phòng VND | Số đầu năm Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | |
| Đầu tư vào công ty liên kết: | 14.000.000.000 | - | - | - |
| <i>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Quý (iii)</i> | 14.000.000.000 | - | - | - |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 102.750.000.000 | - | 14.000.000.000 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát (iv)</i> | 102.750.000.000 | - | - | - |
| <i>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Quý (iii)</i> | - | - | 14.000.000.000 | - |
| | 116.750.000.000 | - | 14.000.000.000 | - |

(i) Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có khoản lỗ lũy kế. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện thoái vốn khỏi Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt theo Nghị quyết số 164/2018-NQ/HĐQT ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng Quản trị và Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCNV ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa Công ty và Ông Trần Văn Phương. Theo đó, Công ty thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt cho ông Trần Văn Phương với số tiền là 1,8 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá không có tổn thất nào liên quan đến khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nên quyết định không trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đã được Công ty dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn và dài hạn.

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Quý ("Thiên Quý") phản ánh hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Quý theo tỷ lệ góp vốn 50 - 50. Năm 2017, khoản đầu tư vào Thiên Quý đã chuyển đổi từ hình thức hợp tác kinh doanh sang khoản đầu tư vào công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty là 46,67%. Ngoài ra, Bà Lê Thị Thanh Lệ, thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty góp vốn vào công ty này với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 36,67%. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty không có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận của Thiên Quý. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và quyết định phản ánh khoản đầu tư này vào khoản mục đầu tư vào công ty liên kết trên Bảng cân đối kế toán là phù hợp với các quy định hiện hành về lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Theo Nghị quyết số 1703/2017-NQ/HĐQT ngày 17 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát về việc góp vốn vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Quý, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Quý đang có khoản lỗ lũy kế trong kế hoạch liên quan đến quá trình xin cấp phép dự án đầu tư để thực hiện dự án "Khai thác mỏ cát làm vật liệu san lấp". Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không thực hiện trích lập dự phòng đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Quý đến khi công ty này bắt đầu có doanh thu từ việc khai thác mỏ cát vào đầu quý 2 năm 2018.

(iv) Trong năm, Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 15%. Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty góp vốn vào công ty này với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 85%. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty không có quyền chi phối cũng như không có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận của Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và quyết định phản ánh khoản đầu tư này vào khoản mục đầu tư dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán, phù hợp với các quy định hiện hành về lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung | 37.584.685.005 | 265.205.370.522 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thép Hùng Cường | 33.492.208.926 | - |
| Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát | 18.581.750.580 | 11.893.285.610 |
| Công ty TNHH Thiên địa Phú Thọ | 17.994.321.501 | 3.419.071.137 |
| Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP | 16.047.970.000 | - |
| Công ty TNHH Vận chuyển Hàng hóa và Đầu tư Tài nguyên Hà Khẩu | 12.721.889.600 | - |
| Công ty TNHH Thép DongBu Việt Nam | - | 7.071.488.431 |
| Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng | - | 40.504.092.438 |
| Khác | 18.594.922.379 | 3.186.862.284 |
| Tổng cộng | 155.017.747.991 | 331.280.170.422 |
| Trong đó: Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34) | 1.035.779.360 | - |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Quý | 25.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Phạm Huy | 20.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản - Than Đông Bắc | 18.131.177.296 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt | - | 20.757.863.440 |
| Công ty Cổ phần Hợp kim Sắt Trung Việt - Thăng Giang | - | 9.542.834.134 |
| Doanh nghiệp tư nhân Dương Anh Thái Nguyên | - | 3.990.802.413 |
| Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Mai Linh | - | 5.000.000.000 |
| Khác | 13.241.523.972 | 20.026.587.159 |
| Cộng | 76.372.701.268 | 59.318.087.146 |
| Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34) | 25.000.000.000 | 20.757.863.440 |

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| - Kỳ quỹ ngắn hạn | 31.682.800.000 | 555.000.000 |
| - Tạm ứng | 33.310.724.400 | 22.000.000.000 |
| - Dự thu lãi tiền gửi | 11.804.957.578 | - |
| - Phải thu khác | 23.959.799 | 3.172.956 |
| Cộng | 76.822.441.777 | 22.558.172.956 |
| Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34) | 18.928.000.000 | 15.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

9. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi đường | 24.250.571.902 | - | - | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 77.068.764.163 | - | 119.752.262.073 | - |
| Công cụ, dụng cụ | - | - | 68.631.241 | - |
| Thành phẩm | 2.042.240.199 | - | 12.350.993.070 | - |
| Hàng hoá | 178.875.029.221 | - | 232.500.908.202 | - |
| Cộng | 282.236.605.485 | - | 364.672.794.586 | - |

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| a. Ngắn hạn | 1.177.000.916 | - |
| - Phí LC (i) | 1.177.000.916 | - |
| b. Dài hạn | 791.499.205 | 782.699.714 |
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 292.782.689 | 251.675.804 |
| - Các khoản khác | 498.716.516 | 531.023.910 |
| Cộng | 1.968.500.121 | 782.699.714 |

(i) Phản ánh chi phí thư tín dụng nhập khẩu Công ty đã thanh toán trước theo thông báo của các ngân hàng thương mại cho thời gian cam kết bảo đảm của ngân hàng sau ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Khác | Tổng cộng |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.388.268.182 | 25.253.815.362 | 21.171.997.914 | 965.363.635 | - | 52.779.445.093 |
| Mua sắm | 7.509.715.051 | 5.880.619.400 | 3.461.536.364 | - | 38.290.000 | 16.890.160.815 |
| Phân loại lại (i) | (5.388.268.182) | 1.342.568.823 | (3.161.643.369) | (965.363.635) | 8.172.706.363 | - |
| Thanh lý, nhượng bán trong năm | - | (323.409.091) | - | - | - | (323.409.091) |
| Số dư cuối năm | 7.509.715.051 | 32.153.594.494 | 21.471.890.909 | - | 8.210.996.363 | 69.346.196.817 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 233.783.521 | 8.736.252.258 | 4.712.665.085 | 90.124.240 | - | 13.772.825.104 |
| Khấu hao trong năm | 217.514.710 | 3.432.048.842 | 2.472.331.643 | - | 1.321.553.899 | 7.443.449.094 |
| Phân loại lại (i) | (233.783.521) | 940.478.824 | (1.195.343.860) | (90.124.240) | 578.772.797 | - |
| Thanh lý, nhượng bán trong năm | - | (323.409.091) | - | - | - | (323.409.091) |
| Số dư cuối năm | 217.514.710 | 12.785.370.833 | 5.989.652.868 | - | 1.900.326.696 | 20.892.865.107 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 5.154.484.661 | 16.517.563.104 | 16.459.332.829 | 875.239.395 | - | 39.006.619.989 |
| Tại ngày cuối năm | 7.292.200.341 | 19.368.223.661 | 15.482.238.041 | - | 6.310.669.667 | 48.453.331.710 |

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân loại lại nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của một số tài sản được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội, căn cứ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và căn cứ theo mục đích sử dụng của các tài sản trên trong quá trình sản xuất kinh doanh tại Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.495.809.734 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 724.409.091 VND).

Công ty đã thế chấp một số tài sản với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 35.100.048.842 VND và 22.949.374.488 VND (tại 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 27.621.848.351 VND và 20.416.925.702 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng ngắn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm | Số phải nộp/ thu trong năm | Số đã thực nộp/thu trong năm | Số cuối năm |
|------------------------------|--------------------|-------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| a. Các khoản phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 64.397.550 | 64.397.550 | - | - |
| Cộng | 64.397.550 | 64.397.550 | - | - |
| b. Các khoản phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 54.240.297.142 | 54.240.297.142 | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 3.634.825.600 | 3.634.825.600 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 459.470.165 | 10.094.594.586 | 7.283.049.127 | 3.271.015.624 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 7.012.907 | - | 7.012.907 |
| Cộng | 459.470.165 | 67.976.730.235 | 65.158.171.869 | 3.278.028.531 |

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Máy móc thiết bị | 2.796.983.683 | 1.410.614.155 |
| Văn phòng và nhà xưởng tại Hải Dương (i) | 16.128.050.597 | 15.066.468.617 |
| San lấp mặt bằng | 2.952.256.601 | 1.954.901.802 |
| Nhà văn phòng, bếp | 2.034.988.185 | 2.034.988.185 |
| Chi phí xây dựng cầu cảng | 7.130.321.769 | 7.130.321.769 |
| Chi phí để kê | 444.965.299 | 444.965.299 |
| Khác | 3.565.518.743 | 3.501.291.562 |
| Cộng | 18.925.034.280 | 16.477.082.772 |

(i) Phản ánh chi phí xây dựng văn phòng và nhà xưởng tại cụm Khu Công nghiệp Quỳnh Phúc, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Giá trị/Số có khả năng trả nợ | Giá trị/Số có khả năng trả nợ | |
| Công ty TNHH Thương mại R&K | 16.602.019.200 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Hùng Sơn Phú Thọ | 16.495.730.150 | 1.488.957.360 |
| Công ty TNHH Ngọc Sơn | 10.095.540.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thép Hùng Cường | 9.519.752.549 | - |
| Công ty TNHH Long Thắng | 7.404.980.385 | 7.404.980.385 |
| Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung | - | 239.198.202.880 |
| Doanh nghiệp tư nhân Hữu Thành | - | 12.444.932.844 |
| Công ty TNHH Khai phát Khoáng nghiệp Côn Gang - Hà Khẩu | - | 28.414.703.770 |
| Khác | 34.475.851.752 | 52.627.163.698 |
| Cộng | 94.593.874.036 | 341.578.940.937 |
| Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34) | 1.853.629.575 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ban Quản lý Công trình Xây dựng Phát triển Đô thị | 43.800.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật | 7.381.659.449 | - |
| Công ty TNHH Hoàng Lan | 5.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Hoàng Tân | - | 1.380.000.000 |
| Khác | 1.650.000.000 | 111.532.500 |
| Cộng | 57.831.659.449 | 1.491.532.500 |

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|------------|
| | VND | VND |
| - Trích trước chi phí lãi vay | 273.724.209 | - |
| - Trích trước phí thư tín dụng nhập khẩu | 1.786.201.608 | - |
| - Các khoản trích trước khác | 50.853.280 | - |
| Cộng | 2.110.779.097 | - |

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| - Kinh phí công đoàn | 6.346.620 | - |
| - Phải trả thư tín dụng nhập khẩu (i) | 655.801.361.211 | 115.463.020.194 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | 498.041.801.212 | - |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng | 121.871.473.919 | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân | 35.888.086.080 | - |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương | - | 115.463.020.194 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 3.685.522.250 | 227.170.350 |
| Cộng | 659.493.230.081 | 115.690.190.544 |
| Trong đó: Phải trả khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34) | 1.000.000.000 | - |

(i) Các khoản phải trả thư tín dụng nhập khẩu liên quan đến các hợp đồng mua than cốc nhập khẩu từ các nhà cung cấp theo phương thức thanh toán Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C - Usance payable at sight Letter of credit) thông qua các ngân hàng thương mại. Theo các hợp đồng này, các nhà cung cấp được ngân hàng thanh toán ngay và Công ty được thanh toán chậm với ngân hàng trong thời hạn từ 03 tháng đến 10 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn (*) | 278.632.884.073 | 278.632.884.073 | 1.273.883.324.184 | 1.286.847.289.478 | 265.668.918.779 | 265.668.918.779 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 885.400.000 | 885.400.000 | 1.576.600.000 | 1.154.200.000 | 1.307.800.000 | 1.307.800.000 |
| Tổng | 279.518.284.073 | 279.518.284.073 | 1.275.459.924.184 | 1.288.001.489.478 | 266.976.718.779 | 266.976.718.779 |

(*) Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i) | 109.650.891.253 | 109.813.239.300 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân (ii) | 97.674.727.465 | 74.234.788.280 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (iii) | 25.728.637.129 | 60.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương (iv) | 17.900.000.000 | 14.140.000.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (v) | 14.669.662.932 | - |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vạn Phúc (vi) | 45.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng | - | 9.153.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương | - | 11.291.856.493 |
| | 265.668.918.779 | 278.632.884.073 |

(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có giá trị theo biên bản định giá là 638.683.000 VND thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Nguyễn Văn Dũng và bà Vũ Thị Huyền;

- Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng có giá trị theo biên bản định giá là 13.223.679.000 VND thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Nguyễn Văn Bình và bà Lê Thị Thanh Lệ;

- Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có giá trị theo biên bản định giá là 836.262.000 VND thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Nguyễn Văn Đức và bà Đào Thị Nhẫn;

- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.853.995.072 VND.

(ii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại số 31 ngõ 3, phố Bến Bình, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng với diện tích 37 m² có giá trị theo biên bản định giá là 1.520.000.000 VND thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Bình và bà Lê Thị Thanh Lệ;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

- Giá trị quyền sử dụng 98,1 m² đất tại thôn Trang Quan, Xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có giá trị theo biên bản định giá là 480.000.000 VND thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Bình;

- Giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 44 tại thôn Vĩnh Khê, Xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có giá trị theo biên bản định giá là 1.250.000.000 VND thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Bình và bà Lê Thị Thanh Lệ;

- Giá trị quyền sử dụng 100 m² đất tại Xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có giá trị theo biên bản định giá là 510.000.000 VND thuộc sở hữu của bà Lê Thị Thanh Lệ;

- Giá trị quyền sử dụng thửa đất số 149 có diện tích là 85 m² và tài sản khác gắn liền với đất tại phường Tân Phú, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có giá trị theo biên bản định giá là 2.500.000.000 VND thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Cúc (em gái ông Nguyễn Văn Bình);

- Giá trị quyền sử dụng thửa đất số 32 tại Khu A2 lô 26BC, khu đô thị mới Ngã Năm Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng với diện tích là 82,5 m² có giá trị theo biên bản định giá là 5.173.000.000 VND thuộc sở hữu của ông Nguyễn Xuân Trường và bà Nguyễn Thị Hương;

- Giá trị khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.743.430.513 VND tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân của Công ty;

- Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 5196811 ngày 14 tháng 10 năm 2016, số dư 1.600.000.000 VND của ông Nguyễn Văn Bình tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân.

(iii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Quyền đòi nợ và hàng hóa hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu của Công ty;

- Giá trị khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 31.800.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

- Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 400.850.000.000 VND tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

(iv) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Hải Dương cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Xe ô tô nhãn hiệu Lexus mang biển kiểm soát 15A-062.79 thuộc sở hữu của bà Lê Thị Thanh Lệ với giá trị là 2.730.000.000 VND;

- Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 năm với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Hải Dương của Công ty;

- Quyền đòi nợ và hàng hóa hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu của Công ty.

(v) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Bắc Hải Phòng cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 VND. Khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo và có thời hạn vay không quá 12 tháng và lãi suất vay được thỏa thuận theo từng lần nhận nợ.

(vi) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Vạn Phúc cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 90.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Vạn Phúc của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | | VND | | VND | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương (i) | 3.851.000.000 | 3.851.000.000 | 1.792.000.000 | 1.039.000.000 | 4.604.000.000 | 4.604.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Móng Cái | 115.200.000 | 115.200.000 | - | 115.200.000 | - | - |
| Tổng | 3.966.200.000 | 3.966.200.000 | 1.792.000.000 | 1.154.200.000 | 4.604.000.000 | 4.604.000.000 |
| Trong đó: | | | | | | |
| - Số phải trả trong vòng 12 tháng | 885.400.000 | | | 1.307.800.000 | | |
| - Số phải trả sau 12 tháng | 3.080.800.000 | | | 3.296.200.000 | | |

(i) Các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương để thanh toán tiền mua tài sản là phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, khoản vay có thời hạn từ trên 01 năm đến 05 năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản cố định của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 7.095.379.416 VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 1.307.800.000 | 885.400.000 |
| Trong năm thứ hai | 1.218.200.000 | 770.200.000 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 2.078.000.000 | 2.310.600.000 |
| | 4.604.000.000 | 3.966.200.000 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | 1.307.800.000 | 885.400.000 |
| Số phải trả sau 12 tháng | 3.296.200.000 | 3.080.800.000 |

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|---------------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 100.000.000.000 | 9.695.291.066 | 109.695.291.066 |
| Tăng vốn trong năm | 100.000.000.000 | - | 100.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | 14.738.427.481 | 14.738.427.481 |
| Giảm khác | - | (60.000) | (60.000) |
| Số dư đầu năm nay | 200.000.000.000 | 24.433.658.547 | 224.433.658.547 |
| Lợi nhuận trong năm | - | 29.824.590.986 | 29.824.590.986 |
| Giảm khác | - | (26.075.956) | (26.075.956) |
| Số dư cuối năm nay | 200.000.000.000 | 54.232.173.577 | 254.232.173.577 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

| Cổ phiếu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| + Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| + Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 20.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 200.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi | | Vốn đã góp | |
|--------------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | VND | % | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| Nguyễn Văn Bình | 73.208.000.000 | 37% | 73.208.000.000 | 150.000.000.000 |
| Nguyễn Xuân Trường | 10.000.000.000 | 5% | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Nguyễn Văn Đức | 10.000.000.000 | 5% | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Nguyễn Văn Dũng | 10.000.000.000 | 5% | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Lê Thị Thanh Lệ | 20.000.000.000 | 10% | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 76.792.000.000 | 38% | 76.792.000.000 | - |
| Tổng cộng | 200.000.000.000 | 100% | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn | 36.421.031.890 | 37.888.440.782 |
| - Từ 1 năm trở xuống | 2.312.483.892 | 2.016.648.892 |
| - Trên 1 năm đến 5 năm | 3.864.850.568 | 4.863.130.568 |
| - Trên 5 năm | 30.243.697.430 | 31.008.661.322 |

| Ngoại tệ các loại | Đơn vị | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------|--------|-------------|------------|
| Đô la Mỹ | USD | 8.026 | 738 |

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm là sản xuất, kinh doanh và thương mại các loại quặng. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.179.869.417.194 | 1.527.851.129.612 |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 1.008.618.346.686 | 718.521.351.790 |
| - Doanh thu bán quặng sắt | 835.517.616.099 | 427.307.436.448 |
| - Doanh thu bán than cốc | 311.876.118.772 | 334.607.796.026 |
| - Doanh thu dịch vụ vận chuyển | 23.857.335.637 | 47.414.545.348 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 2.391.196.793 | - |
| Giảm giá hàng bán | 2.391.196.793 | - |
| | 2.177.478.220.401 | 1.527.851.129.612 |
| Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 34) | 9.838.569.382 | - |

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa | 942.027.964.679 | 705.385.213.671 |
| Giá vốn của quặng sắt | 798.601.827.381 | 405.860.437.319 |
| Giá vốn của than cốc | 288.192.634.769 | 310.204.042.968 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 16.050.230.778 | 43.923.155.008 |
| | 2.044.872.657.607 | 1.465.372.848.966 |

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 302.954.051.719 | 203.909.011.329 |
| Chi phí nhân công | 13.519.549.389 | 9.976.422.023 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.835.583.643 | 5.520.958.855 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 85.033.486.906 | 103.337.632.536 |
| Chi phí khác bằng tiền | 10.912.747.868 | 9.195.932.150 |
| | 418.255.419.525 | 331.939.956.893 |

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------|-----------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi | 16.283.793.660 | 703.070.471 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 487.791.614 | 200.426.560 |
| | 16.771.585.274 | 903.497.031 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền vay | 27.639.035.317 | 14.895.822.718 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 3.181.920.514 | 4.729.560.868 |
| | 30.820.955.831 | 19.625.383.586 |

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | 25.449.914.396 | 15.200.873.610 |
| - Chi phí lương | 9.139.438.931 | 7.338.297.200 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 4.569.270.005 | 626.076.606 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.631.014.349 | 2.725.154.053 |
| - Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 6.110.191.111 | 4.511.345.751 |
| Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm | 55.329.312.525 | 9.445.044.708 |
| - Chi phí giao nhận, vận tải | 55.258.835.525 | 9.445.044.708 |
| - Các khoản chi phí bán hàng khác | 70.477.000 | - |
| | 80.779.226.921 | 24.645.918.318 |

29. THU NHẬP KHÁC

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Đối tác thưởng do dỡ hàng và giải phóng tàu nhanh | 1.653.689.919 | 1.593.826.848 |
| Doanh thu cho thuê tàu | 1.500.000.000 | - |
| Tiền phạt thu được | 1.000.000.000 | 107.845.104 |
| Các khoản khác | 1.961.330.651 | 41.022.082 |
| | 6.115.020.570 | 1.742.694.034 |

30. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Các khoản bị phạt hợp đồng | 1.985.602.268 | 1.499.343.315 |
| Chi phí khấu hao | 1.607.865.451 | 744.594.996 |
| Các khoản khác | 402.911.540 | 48.417 |
| | 3.996.379.259 | 2.243.986.728 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận trước thuế | 39.895.606.627 | 18.609.183.079 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| <i>Cộng:</i> | | |
| - Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế | 10.459.471.579 | 744.594.910 |
| Thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 50.355.078.206 | 19.353.777.989 |
| <i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i> | <i>50.355.078.206</i> | <i>19.353.777.989</i> |
| <i>20%</i> | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 10.071.015.641 | 3.870.755.598 |

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 29.824.590.986 | 14.738.427.481 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 20.000.000 | 11.623.452 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.491 | 1.268 |

33. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Các khoản thanh toán thuế hoạt động phản ánh số tiền thuế vẫn phòng kinh doanh của Công ty:

- Hợp đồng thuế vẫn phòng số 24/2016/HĐVP, thời gian thuế 03 năm từ ngày 06 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 5 năm 2019, diện tích thuế là 424,3 m².
- Hợp đồng thuế vẫn phòng số 55/2016/HĐVP, thời gian thuế 03 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, diện tích thuế là 99,5 m².
- Hợp đồng thuế đất tại cụm công nghiệp Quỳnh PhúC, Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương với diện tích thuế là 78.846 m² đến ngày 18 tháng 11 năm 2061, nộp tiền thuế hàng năm.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

| | Mối quan hệ |
|--|--------------------|
| Bên liên quan | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Quý | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt (I) | Chủ sở hữu |
| Ông Nguyễn Văn Bình | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Xuân Trường | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Đức | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Mai Quang Hợp | Phó Tổng Giám đốc |

(I) Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt không còn là bên liên quan từ ngày 21 tháng 3 năm 2018 là thời điểm Công ty chuyển nhượng phần vốn góp tại công ty này cho ông Trần Văn Phương.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Bán hàng | 11.455.362.982 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt | 11.455.362.982 | - |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 31.654.484.950 | 12.579.781.410 |
| Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt | 31.654.484.950 | 12.579.781.410 |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu khách hàng | 1.035.779.360 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt | 1.035.779.360 | - |
| Phải trả người bán | 1.853.629.575 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt | 1.853.629.575 | - |
| Trả trước cho người bán | 25.000.000.000 | 20.757.863.440 |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Quý | 25.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt | - | 20.757.863.440 |
| Các khoản phải trả khác | 1.000.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Văn Bình | 1.000.000.000 | - |
| Tạm ứng | 18.928.000.000 | 15.000.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Đức | 4.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Ông Mai Quang Hợp | 5.928.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Xuân Trường | 9.000.000.000 | 10.000.000.000 |

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------------|----------------|------------------|
| Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc | 1.803.893.553 | 1.845.600.000 |
| Lương và thưởng ông Nguyễn Văn Bình | 469.002.857 | 484.560.000 |

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.082.055.513 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 11.804.957.578 VND, là lãi tiền gửi nhưng chưa nhận trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập với báo cáo kiểm toán phát hành lại đề ngày 08 tháng 12 năm 2017 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

| | Mã số | Số đã báo cáo VND | Phân loại lại VND | Số sau phân loại lại VND |
|---|-------|----------------------|----------------------|-----------------------------|
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 278.632.884.073 | 885.400.000 | 279.518.284.073 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 3.966.200.000 | (885.400.000) | 3.080.800.000 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 1.539.477.741.860 | (11.626.612.248) | 1.527.851.129.612 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 11.626.612.248 | (11.626.612.248) | - |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 1.472.003.808.829 | (6.630.959.863) | 1.465.372.848.966 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 2.814.084.845 | 6.630.959.863 | 9.445.044.708 |


Vũ Thị Phương
 Người lập biểu/Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Trường
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018



Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu

Số điện thoại: +84 (255). 3569.699

Số fax: +84 (255). 3569.689

Website: <http://vietphatjsc.com.vn/>

Địa chỉ: Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam